

HỌNG GD – ĐT

TRƯỜNG THCS

GIÁO ÁN

ÔN THI VÀO 10 MÔN NGỮ VĂN

Giáo viên

Tổ chuyên môn Xã hội

Năm học 2021-2022

GIẢI BỘ ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP

I. DẠNG 1: Giải thích nhan đề TP và nêu hoàn cảnh sáng tác của Tác phẩm

Đề 1: Giải thích ý nghĩa nhan đề TP “*Truyền kì mạn lục*” (Nguyễn Dữ) và “*Hoàng Lê nhất thống chí*” (Ngô Gia Văn Phái)

*) Giải thích ý nghĩa nhan đề TP “***Truyền kì mạn lục***” (Nguyễn Dữ)

- Ghi chép tản mạn những điều kì lạ vẫn được lưu truyền trong dân gian.
- TP viết bằng chữ Hán, khai thác truyện cổ đg và các truyền thuyết lịch sử, dã sử của VN.
- Nhân vật chính thường là những người phụ nữ đức hạnh, khao khát một cuộc sống yên bình, Hp nhưng họ lại phải chịu một cuộc đời bất hạnh khổ đau hoặc là những người trí đức có tâm huyết bất mãn với thời cuộc ko chịu trói mình trong vòng danh lợi chật hẹp.

*) Giải thích ý nghĩa nhan đề “***Hoàng Lê nhất thống chí***” (Ngô Gia văn phái):

- Là TP viết bằng chữ Hán, viết theo lối chương hồi, ghi chép về sự nhất thống của vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê. Ngoài ra TP còn tái hiện 1 giai đoạn lịch sử đầy biến động của XH p/k VN vào khoảng 30 năm cuối TK18 và mấy năm đầu TK19.
- Cuốn TT gồm 17 hồi. phần trích là hồi 14.

Đề 2:

Nguyễn Khoa Điềm viết bài thơ về 1 nhân vật cụ thể (em Cu Tai) nhưng lại đặt tên cho TP này là “***Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ***”. Theo em như vậy có hợp lý ko/Vì sao?

=> Nhan đề mà nhà thơ lựa chọn hoàn toàn *phù hợp* với chủ đề TP.

Bởi vì: NKĐ ko chỉ viết về 1 em bé cụ thể mà viết cho rất nhiều em bé đã, đang và sẽ lớn lên trong TY thương, che chở của bà mẹ Tà- Ôi và bao nhiêu bà mẹ miền núi khác.

Từ đó bài thơ khám phá, ngợi ca vẻ đẹp của tất cả các bà mẹ VN thương con, yêu nước. bằng đôi bàn tay tần tảo, bằng nghị lực phi thường và trái tim chan chứa TY. Họ đã góp phần ko nhỏ của mình vào cuộc đấu tranh giành tự do thống nhất đất nước...

Đề 3:

Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ “***MXNN***” (Thanh Hải). Em hiểu ý nghĩa nhan đề “***MXNN***” ntn?

*) ***Hoàn cảnh sáng tác:***

- Nêu cụ thể (t) sáng tác: - ST tháng 11-1980

- H/C: ốm nặng, nằm trên giường bệnh, ko bao lâu nhà thơ qua đời.

-Vượt lên trên h/c ấy,tâm hồn nhà thơ vẫn rộng mở trước vẻ đẹp của MX,vẫn thiết tha hướng về cuộc sống, khao khát được cống hiến 1 phần nhỏ bé của mình để làm nên vẻ đẹp của cuộc đời chung.

***)Ý nghĩa nhan đề:**

-MXNN ẩn dụ cho khát vọng sống, lý tưởng sống đẹp đẽ cao quý của nhà thơ muốn hiến dâng những gì “tinh túy nhất,đẹp đẽ nhất của cuộc đời mình để góp phần làm nên mùa xuân lớn của cuộc đời,của đất nước”.

- MXNN gắn liền với MX lớn lao của TN, đất nước.

Đề 4 : Bài thơ “**Ánh trăng**” (Nguyễn Duy) ra đời trong h/c nào? Hoàn cảnh ấy có mối liên hệ ntn tới những điều tác giả muốn gửi gắm trong bài thơ ?

- Bài thơ ra đời khi đất nước hòa bình,thống nhất được 3 năm.

- Những người kháng chiến gian khổ ở rừng nay đã trở về thành phố. Họ có cuộc sống mới trong hòa bình: đầy đủ phương tiện hiện đại => cuộc sống sung sướng này đã khiến 1 số người đã say sưa hưởng thụ vun vén cá nhân.

-Họ đã vô tình quên quá khứ,quên bạn bè đ/c đã từng gắn bó gian khổ 1 thời

-Tình cảm xưa đắm thắm thì bây giờ dừng dưng

-Người trước kia gắn bó tình nghĩa thì nay bị coi là người xa lạ qua đường

=> Câu chuyện ko chỉ là của NV trữ tình nhà thơ mà là câu chuyện của nhiều người.

=> Bài thơ “**Ánh trăng**” (Nguyễn Duy) ra đời là 1 lời nhắc nhở thái độ sống thủy chung,” *uống nước nhớ nguồn*”,trân trọng những tình cảm thiêng liêng,tốt đẹp của những năm tháng gian khổ C/T.

II. DẠNG 2: GIỚI THIỆU TÁC GIẢ.

Đề 1:

Phân tích ngắn gọn những yếu tố góp phần làm nên thiên tài VH Nguyễn Du.

+) **Về thời đại:** Là giai đoạn lịch sử có nhiều biến động dữ dội,chế độ PK khủng hoảng đến trầm trọng, KN nông dân nổi ra khắp nơi,tiêu biểu là P/T Tây Sơn =>ảnh hưởng trực tiếp đến đấng Nguyễn Du.

+) **Về gia đình:** - Ng Du sinh trưởng trong 1 gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống về VH

- Cha là người đỗ đạt=> làm chức tể tướng

- Anh là Ng Khản=>làm quan to dưới triều Lê-Trịnh

=>Do XH biến động, gia đình sa sút.

+) Về bản thân:

- Cuộc đời trải qua nhiều thăng trầm phải phiêu bạt nhiều năm: Trong suốt (t) này, ông tận mắt chứng kiến nhiều cảnh đời, nhiều số phận...

- Khi làm quan cho triều Nguyễn, ông từng đi sứ sang Trung Quốc.

=> Cuộc đời ông đi nhiều, tiếp xúc nhiều nên thu nhận vốn sống thực tế phong phú, gần gũi và thấu hiểu tâm tư và nỗi khổ của mọi người.

- Ông có trái tim nghệ sĩ nhạy cảm, nhân hậu, tâm hồn tinh tế, sâu sắc.

- Có tài năng VH bẩm sinh.

III. DẠNG 3:

TÓM TẮT TÁC PHẨM + PHÂN TÍCH CHI TIẾT ND+NT CỦA TP

(chú ý nhân vật chính-sự việc chính => chủ đề TP (4 bước)).

Đề 1:

Tóm tắt nội dung TP: **“Chuyện người con gái Nam Xương” (Nguyễn Dữ).**

(Tóm tắt theo giai đoạn cuộc đời của NV)

+) gt Vũ Nương:

- V T Thiết, người con gái quê ở Nam Xương, thùy mị nết na, xinh đẹp được Trương Sinh cưới về làm vợ.

- TRS con nhà hào phú nhưng thất học, có tính đa nghi cả ghen, TRS bị triều đình bắt đi lính.

- Vũ Nương ở nhà sinh con, chăm sóc mẹ chồng. Khi mẹ chồng mất, nàng hết lòng thương xót => lo liệu ma chay, tế lễ như mẹ đẻ.

+) Kể về nỗi oan của Vũ Nương.:

- Giặc tan TRS trở về, chàng nghe lời nói của con trai 3 tuổi => nghi ngờ vợ ngoại tình => 1 mực mắng nhiếc, sỉ nhục, đánh đuổi vợ đi.

- Vũ Nương bị oan, ko thể thanh minh, gieo mình xuống sông Hoàng Giang tự tử

- TR S cùng con trai ngồi buồn bên đèn, đứa trẻ chỉ bóng chàng trên vách bảo là cha nó lại đến. TR S lúc này mới hiểu ra sự thật, thấu hiểu nỗi oan của vợ.

+) Kể về Vũ Nương sống dưới thủy cung:

- Phan Lang- người cùng làng bị nạn, dạt đến thủy cung, tình cờ gặp lại Vũ Nương.

- Khi Phan trở về trần gian, Vũ Nương gửi chiếc hoa vàng cùng lời nhắn cho TRS.

- Chàng Trương lập đàn giải oan bên bờ Hoàng Giang, nhưng Vũ Nương ngồi trên kiệu hoa chỉ trở về trong chốc lát đứng ở giữa dòng, nói lời từ biệt chồng rồi biến mất.

Đề 2: Nhận xét về cách sử dụng yếu tố kì ảo trong TP “*Chuyện người con gái NX*” (Nguyễn Dữ)? Nêu hiệu quả của cách sử dụng sáng tạo đó?

- Các yếu tố kì ảo được đưa xen kẽ với yếu tố thực.
 - Sử dụng những chi tiết kì ảo nhưng vẫn có tác dụng làm nổi bật giá trị hiện thực của TP:
 - +) Vũ Nương trở về dương thế nhưng chỉ thấp thoáng lúc ẩn, lúc hiện trong chốc lát rồi biến mất.
 - +) Người đã chết thì không thể sống lại được, HP tan vỡ, chia ly là vĩnh viễn.
- => Đó là hiện thực cay đắng ko thể thay đổi hoặc phủ nhận

Đề 3 : Tóm tắt nội dung “*Truyện Kiều*” từ 20 - 30 dòng (SGKtr77)

- *Gặp gỡ và đính ước:*

+) TK là 1 người con gái tài sắc vẹn toàn. Trong 1 lần chơi xuân nàng gặp Kim Trọng, một người hào hoa phong nhã. 2 người thâm yêu nhau. KT dọn nhà đến gần nhà TK. hai người chủ động, tự do đính ước với nhau.

- *gia biến và lưu lạc:*

+) KT phải về quê để chịu tang chú. gđ TK bị thăng bán tơ vu oan.

+) TK nhờ TV nổi duyên với KT, còn nàng thì bán mình chuộc cha và cứu gđ.

+) TK bị bọn buôn người Mã Giám Sinh, Tú bà, Sở Khanh lừa gạt bắt phải vào lầu xanh để tiếp khách làng chơi.

+) Người được Thúc Sinh (1 khách làng chơi) chuộc ra, cưới làm vợ lẽ. vợ cả thúc Sinh là Hoạn Thư ghen, bắt TK về làm con ở và đầy đọa => Kiều trốn khỏi nhà Hoạn Thư đến nương nhờ cửa Phật.

+) Một lần nữa nàng lại sa vào tay bọn buôn người Bạc Bà, Bạc Hạnh => phải vào lầu xanh lần thứ hai. Ở đây nàng gặp Từ Hải, hai người kết duyên vợ chồng => Từ Hải giúp nàng báo ân, báo oán.

+) Do bị Hồ Tôn Hiến lừa, Từ Hải bị chết, TK phải hầu rượu Hồ Tôn Hiến và bị ép gả cho viên thổ quan => Kiều gieo mình xuống sông Tiền Đường tự vẫn. nàng được cứu và lần thứ hai nương nhờ cửa Phật.

- *Đoàn tụ:*

+) Khi KT trở lại tìm TK thì nàng đã lưu lạc. chàng kết duyên với TV nhưng vẫn thương nhớ TK.

+)Sau khi thi đỗ chàng đi tìm Kiều.Nhờ gặp sư Giác Duyên nên gia đình được đoàn tụ.TK tuy nổi lại duyên với KT nhưng họ cùng nguyện ước “duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy”.

Đề 4:

Trong “**Truyện Kiều**,” Ngôi bút của đại thi hào **Nguyễn Du** hết sức tinh tế khi tả cảnh cũng như khi ngụ tình” (SGK9I-trang95)

Hãy cho biết,*nghệ thuật tả cảnh và tả cảnh ngụ tình* giống và khác nhau ntn?

***) Điểm giống nhau:**

-Đều có cảnh

-Nguyễn Du khi tả cảnh cũng giống như khi tả cảnh ngụ tình,ông luôn đem cái cảm xúc,cái hồn người chi phối lên cảnh vật khiến cảnh vật như có tâm hồn hay 1 xúc cảm riêng tư nào đó (Tạo nên sự giao hòa tuyệt vời 2 chiều giữa cảnh và người)

***)Điểm khác nhau:**

-*Nghệ thuật tả cảnh*: Cảnh trong Truyện Kiều là bức họa xinh đẹp: chỉ cần vài nét phác họa đơn sơ nhưng Nguyễn Du vẫn thể hiện được cái hồn của cảnh và điểm nhấn của cảnh được nổi bật:

“*Cỏ non xanh tận chân trời*

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”

+)Sử dụng nghệ thuật rất đa dạng và phong phú (Viết bằng ngôn ngữ tinh xảo =>tạo nên giá trị và sức hấp dẫn của Truyện Kiều)

+)Khi tả: gợi nhiều hơn tả qua những nét phác họa đơn sơ nhưng cảnh vẫn nổi bật và đặc biệt cảnh rất có hồn.

+)Bức tranh cảnh của Nguyễn Du thường có nền,có điểm nhấn tạo một ấn tượng khó quên.

-*Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình*:

Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du cũng rất đặc sắc.

+)cảnh vật được miêu tả qua tâm trạng, tâm trạng nhuộm lên cảnh vật,cảnh vật thể hiện tâm trạng: (8 câu cuối “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*”)

+)mỗi chi tiết, mỗi hình ảnh, khung cảnh thiên nhiên...đều mang đậm trạng thái tình cảm của TK.

+)Mỗi cảnh là mỗi tình =>song tất cả đều là buồn thương và đều dự báo tương lai ko yên ổn,1 số phận chìm nổi của TK.

***) Chép thuộc lòng 1 đoạn thơ tả cảnh ngụ tình (4c - 6c) trong Truyện Kiều (đã học trong SGK 9)**

“Tà tà bóng ngả về tây

Chị em thơ thẩn dan tay ra về.

Bước dần theo ngọn tiểu khê

Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.

Nao nao dòng nước uốn quanh,

Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.”

(“Cảnh ngày xuân”)

c) 6 câu cuối trong đoạn trích (phần b) chính là đoạn thơ tả cảnh ngụ tình

Đề 5:

Tóm tắt nội dung đoạn trích trong “**Làng**” (Kim Lân) (khoảng 10c).Truyện được kể ở ngôi thứ mấy? Tác dụng của ngôi kể đó?

***)Tóm tắt:** Đảm bảo được các ý sau:

- Ở nơi tản cư,ông rất nhớ làng và rất quan tâm đến kháng chiến.

- Ông đang vui khi biết được tin kháng chiến thắng lợi báo về thì đột ngột nghe tin làng Chợ Dầu làm Việt gian theo giặc từ miệng một người tản cư. Lúc đầu ông ko tin nhưng người đàn bà tản cư kể rành rọt quá khiến ông ko thể ko tin.

-Từ đó trở đi ông luôn phải sống trong một tâm trạng ám ảnh nặng nề. Suốt ngày ông chỉ quanh quẩn ở nhà ko dám đi đâu,ông luôn chột dạ,đau đớn,tủi hổ.

-Khi tin làng ông được cải chính ông vui sướng như từ cõi chết trở về với sự sống.

***)Ngôi kể:** Truyện kể ở ngôi thứ 3 (người kể dấu mình nhưng biết tất cả mọi chuyện)

=>làm cho câu chuyện KQ,chân thực.

Đề 6 :

Tình cảm yêu Làng,yêu nước chân thành,sâu sắc của nhân vật ông Hai,trong truyện ngắn “**Làng**” (Kim Lân) đã được tác giả khám phá qua chi tiết **tình huống truyện** đặc sắc.Em hãy giới thiệu ngắn gọn những tình huống đó.

+)Truyện ngắn “Làng” đã xây dựng được những tình huống truyện làm bộc lộ sâu sắc TY làng quê và lòng yêu nước của nhân vật ông Hai. Đó là tình huống

1. Ở nơi tản cư ông nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc, lập tức mà chính ông nghe được từ miệng những người tản cư qua vùng ông.

2) Đang sống trong tâm trạng ám ảnh, nặng nề ông được tin làng được cải chính làng Chợ Dầu không phải là làng việt gian theo giặc => ông như được từ cõi chết trở về với sự sống.

=> Tác giả đã đặt nhân vật ông Hai vào những tình huống gay cấn đó để bộc lộ sâu sắc tình cảm yêu làng, yêu nước của ông Hai.

MT văn tắt tình huống:

-TH1: Tin làng Chợ Dầu làm việt gian theo giặc. Tin ấy đến với ông quá đột ngột, bất ngờ nó giống như một tiếng sét đánh bên tai làm ông choáng váng => từ đó trở đi, tâm trạng của ông Hai chỉ còn cái tin dữ ấy xâm chiếm => nó trở thành nỗi ám ảnh, day dứt nặng nề và TX.

-TH2: Tin về làng được cải chính:

+) Thái độ của ông thay đổi hẳn (DC)

+) Con người xởi lởi hay chuyện, hay khoe lại trở lại...

DẠNG IV. CHÉP ĐOẠN TRÍCH : (chú ý dấu câu, ngắt nhịp...)

Đề 1:

Trong đoạn trích “**Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga**” (Nguyễn Đình Chiểu), nhân vật Lục Vân Tiên đã nói lên những quan niệm sống đẹp đẽ, sâu sắc. Hãy chép lại các câu thơ đó:

=> Những câu nói của Lục Vân Tiên thể hiện những quan niệm sống đẹp đẽ, sâu sắc:

“Vân tiên nghe nói liền cười

Làm ơn há dễ trông người trả ơn”

Hoàn cảnh câu nói ? (...) => nụ cười + lời nói chân thành của chàng xuất phát từ tấm lòng chất phác, chân thật của một con người hào hiệp đầy nghĩa khí .

- Hình ảnh Lục Vân Tiên tiêu biểu cho những trang anh hùng hảo hán một thời.

Đề 2:

Trong bài thơ “**Viếng Lăng Bác**”, tác giả **Viễn Phương** nhiều lần nhắc đến *hình ảnh cây tre*.

a) chép chính xác những câu thơ ấy và giới thiệu ngắn gọn ý nghĩa của hình ảnh cây tre trong văn tả cảnh.

*) Đoạn thơ có hình ảnh cây tre:

“Con ở miền nam ra thăm lăng Bác

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát

Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa xa đứng thẳng hàng.”

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này

*)Giải thích ý nghĩa của hình ảnh:

+ Hình ảnh 1:

- Đó là hình ảnh thực: Là cảnh vật đầu tiên tác giả nhìn thấy khi đến thăm lăng Bác

- Hình ảnh ẩn dụ: Từ hình ảnh thực => tác giả liên tưởng hàng tre như những con người Việt Nam kiên cường, bất khuất, trải qua bao khó khăn, thử thách... nay tập trung về đây đứng thành đội ngũ chính tề để canh giấc ngủ bình yên cho Người.

+ Hình ảnh 2:

- Hình ảnh chọn lọc mang ý nghĩa ẩn dụ giàu sức biểu cảm :

-Tình cảm lưu luyến ko muốn rời xa Bác.

-Tình cảm tiếc thương vô hạn

-Lòng thủy chung sắt son đối với lãnh tụ kính yêu.

b) Trong chương trình THCS có một văn bản khác viết về hình ảnh cây tre đó là văn bản “**Cây tre Việt Nam**” (Thép Mới).

Đề 3:

Bài thơ “**Đoàn thuyền đánh cá**” (Huy Cận) có nhiều từ **Hát** cả bài thơ cũng vang lên rộn rang như một khúc ca. Hãy chép lại những câu thơ có từ **Hát** trong bài.

*) Bài thơ có nhiều từ **Hát**, cả bài thơ cũng vang lên rộn rang như một khúc ca:

-Hát lúc ra khơi:

Câu hát căng buồm cùng gió khơi

Hát rằng cá bạc biển Đông lặng

-Hát khi đánh cá trên biển:

Ta hát bài ca gọi cá vào

-Hát lúc trở về:

Câu hát căng buồm với gió khơi.

=>*Tiếng hát* xuyên suốt bài thơ: Cả bài thơ là một khúc hát ca ngợi thiên nhiên,ca ngợi lao động, ca ngợi những con người lao động mới say sưa,hào hứng để cống hiến và dựng xây.

- Trong đó con người hiện lên ở tư thế chủ nhân,tư thế của người đi chinh phục,tin yêu vào cuộc đời.

Đề 4 Trong bài thơ: “*Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa*” (Nguyễn Duy) có 2 câu thơ (...)

a)2 câu thơ trên gợi cho ta nghĩ đến bài thơ “*Con cò*” (Chế Lan Viên) => đó là bài thơ nói về *tình mẫu tử* thiêng liêng và cảm động.

b)Trong bài thơ “*Con cò*” có 2 câu thơ mang đậm ý nghĩa triết lí khái quát quy luật muôn đời của tình mẫu tử thiêng liêng,sâu nặng:

“*Con dù lớn vẫn là con của mẹ*

Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con.”

=> **Cảm nhận:**

-Dù ở bất kì hoàn cảnh nào,dù con đã khôn lớn,trưởng thành nhưng đối với mẹ,đứa con lúc nào cũng bé bỏng,vẫn được chở che.

Ty thương của mẹ mãi mãi là nguồn hạnh phúc sưởi ấm tâm hồn mỗi con người trên mọi nẻo đường đời

-Cả cuộc đời mẹ lo lắng cho con,hi sinh cho con,đó là sự hi sinh âm thầm,bền bỉ và vô tư.

- **Như vậy:** Hình ảnh con cò gợi ý nghĩa biểu tượng về lòng mẹ,về sự dịu dàng nâng đỡ dịu dàng và bền bỉ của người mẹ đi vào tiềm thức tuổi thơ trở nên gần gũi và sẽ theo cùng con trên mọi chặng đường đời => Câu thơ mang tính suy ngẫm và triết lí (*tình mẫu tử thiêng liêng,bất diệt*)

Đề 5

*)Chép chính xác bài thơ “*Sang thu*” (Hữu Thỉnh): 3 khổ (HS tự làm).

*)Phân tích 2 hình ảnh nhân hóa được sử dụng trong bài thơ

+)Hình ảnh nhân hóa 1:

“*Sương chùng chình qua ngõ*

Hình như thu đã về.”

-Thu về,sương nhiều,sương giăng đầy đường thôn, ngõ xóm, sương quẩn quýt bờ dậu, sương được nhân hóa như chứa đầy tâm trạng.

-Từ “**chùng chình**” diễn tả rất thơ bước đi chậm chậm của mùa thu đã về.Có gì như ngập ngừng băng khuâng, như lưu luyến bịn rịn...chưa nỡ tạm biệt mùa hè nồng nàn và như cố ý chậm lại chờ đợi mùa thu thơ mộng đã về.

=> *Động từ “chùng chình”* ko chỉ miêu tả chính xác trạng thái của cảnh vật mà tác giả thổi vào cảnh vật những cảm giác rất người làm cho nó hiện lên thật duyên dáng,đáng yêu.

+) Hình ảnh nhân hóa 2:

“ Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã”

Phân tích:

-Dòng sông đã hết mùa mưa lũ,đã trở nên hiền hòa, phẳng lặng, chảy thật êm đềm trong dáng điệu thanh thản đến lạ k.

-Những cánh chim bắt đầu vội vã bay về phương Nam để tránh rét.

=>2 hình ảnh,2 hành động trái ngược nhau đã khơi gợi cảm giác về sự chuyển mùa từ *hạ sang thu* trong trạng thái rất mơ hồ của tạo vật.

=>dòng sông,cánh chim *đều được nhân hóa* làm cho bức tranh thu trở nên hữu tình và chứa chan thi vị.

Tóm lại: bằng cách nhân hóa sự vật trở nên như có hồn, duyên dáng và đáng yêu.

Đề 6: Cho đoạn thơ:

“Người đồng mình thương lắm con ơi

Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn...

a)Chép chính xác 10 câu thơ tiếp theo: HS tự làm

b)Trong đoạn thơ vừa chép tác giả đã thể hiện rõ nét những phẩm chất cao đẹp của người đồng mình:

- Cuộc sống người đồng mình vất vả,gian nan (Thương lắm con ơi!) nhưng họ luôn sống đẹp:

+ Họ có sức sống mạnh mẽ, giàu ý chí và niềm tin. Tâm hồn họ vừa phong phú, lãng mạn vừa mộc mạc, chất phác nhưng rất sâu sắc.

+ Người đồng mình thô sơ da thịt => sự đối lập giữa bên ngoài nhưng bên trong ko hề nhỏ bé về tâm hồn: Đó là tư thế, tầm vóc hiên ngang, giàu nghị lực, ý chí và mong ước xây dựng quê hương ko chịu cúi đầu trước mọi thử thách, gian nan.

+ Bằng sự cần cù,sáng tạo,tự lực,tự cường để xây dựng cuộc sống và tạo lập,gìn giữ những truyền thống tốt đẹp cho quê hương, dân tộc mình.Từ đó người cha muốn con phải có nghĩa tình,chung thủy,biết tự hào về truyền thống quê hương,dặn dò con cần tự tin mà vững bước trên đường đời.Biết chấp nhận thử thách mà vượt qua bằng đôi chân của chính mình.

PHẦN II- CÂU HỎI KIỂM TRA KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU VÀ TẠO LẬP VB

I-VIẾT ĐV: (đề 1,2,3,4,6,13) trang 54-55

A.KỸ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN:

1.yêu cầu: - Tính liên kết chặt chẽ (HT - ND) PLK: lặp,nối,thế.

- Tính thống nhất về chủ đề (thể hiện trọn vẹn 1 ND)

- Tính logic trong diễn đạt (dễ mạch lạc,trôi chảy,rõ ràng,đúng ND...)

2.Cách viết đoạn văn:

B1- XD chủ đề (dễ thành câu chủ đề)

B2-Triển khai ý cụ thể,chi tiết,làm rõ câu chủ đề.

B3-XD kiểu dd và vị trí câu chủ đề (dd-qn;T - P - H...)

3.Các đoạn văn thường gặp:

***) Giải thích nhan đề và giới thiệu hoàn cảnh sáng tác:**

Câu 1(54):

Viết ĐV :T-P-H dài khoảng 15 câu *MT trận chiến công thần tốc đại phá quân Thanh của vua Quang Trung* từ tối 30 tết đến Mồng 5 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789)

Trong trận chiến công thần tốc đại phá quân Thanh,Nguyễn Huệ thực sự là một thiên tài quân sự:

- Ngày 24/11/1788 nhận được tin cấp báo thì ngày 30/12/1788 ông thân chinh cầm quân tiến ra Bắc.Dưới sự lãnh đạo tài tình của vị tổng chỉ huy quân ta trải qua 3 trận đánh thật đẹp:

+ Ở *trận sông Gián và sông Thanh Quyết* (P Xuyên) ta bắt sống bọn do thám,cắt đứt đường dây liên lạc của nhà Thanh.

+ Trong *trận Hà Hồi* (Thường Tín) ta bí mật bao vây thành,cho quân luân phiên hưởng ứng dạ ran => ta lấy được thành dễ dàng,thu được nhiều vũ khí và lương thực.

+ Đặc biệt nhất là *trận Ngọc Hồi* quân Thanh dùng súng đạn và ống phun lửa nhưng cũng chẳng làm được gì quân ta chỉ có ván,có rơm,có dao ngắn cũng làm nên chiến thắng.

(Quang Trung cho lấy ván ghép phủ rơm đắp nước...để làm lá chắn,dàn thành đội chữ Nhất,khi giáp lá cà thì quăng ván xuống đất cầm dao chém bừa...).Khí thế của quân ta làm cho quân nhà Thanh phải kinh hồn,bạt vía.Chúng tưởng tượng từ trên trời rơi xuống,quân từ dưới đất chui lên.

- ⇒ Ngày mùng 5 tết Kỷ Dậu (1789) quân Tây Sơn chiếm được thành Thăng Long (trước dự kiến 2 ngày). Hình tượng Nguyễn Huệ mặc áo bào đỏ cười trên mình voi xông pha trận mạc là hình tượng đẹp đẽ trong văn học trung đại Việt Nam.
- ⇒ **Tóm lại** chỉ trong vòng hơn một tháng, làm được chừng ấy công việc, đi được chừng ấy đường đất, đánh được chừng ấy quân Thanh (20 vạn) không phải bậc kì tài thì không làm nổi.

Câu 22 (54):

Trong tác phẩm “*Chuyện người con gái Nam Xương*”, Nguyễn Dữ đã sáng tạo chi tiết **chiếc bóng** trên tường rất đặc sắc. Viết đoạn văn dd trình bày cảm nhận của em về chi tiết đó.

+) MD: Hình tượng “Cái bóng” là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Dữ trong tác phẩm làm cho truyện phát triển hợp lý và tạo nên kịch tính của tác phẩm.

+) TD:- phân tích ý nghĩa:

1) *Cái bóng xuất hiện 2 lần* trong tác phẩm:

+ Lần 1 Cu Đản nói với Trương Sinh khi Trương Sinh mới đi lính trở về (bóng của Vũ Nương).

+ Lần 2: Cu Đản chỉ bóng Trương Sinh trên vách (Sau khi Vũ Nương chết).

2) *Thắt nút câu chuyện:* Cái bóng là khởi đầu nỗi oan của Vũ Nương khiến Trương Sinh nghi ngờ, ghen tuông, ruồng rẫy, sỉ nhục nàng, dồn đẩy nàng vào cái chết oan khốc 3,

3) *Cởi nút câu chuyện:* Cái bóng cũng là cởi bỏ mọi nghi ngờ của Trương Sinh, nó giúp cho Trương Sinh tỉnh ngộ, thấu hiểu nỗi oan khuất của vợ.

4) *cái bóng góp phần thể hiện tính cách và phẩm chất của Vũ Nương:*

Vì quá cô đơn và thương nhớ chồng nên nàng đã nghĩ ra trò đùa đại dột: nàng là hình, chàng là bóng, hình và bóng luôn quấn quýt không rời. Phải chăng trò đùa ấy đã thể hiện niềm khao khát hạnh phúc, khao khát được đoàn tụ gđ của nàng.

5) *Cái bóng còn thể hiện bi kịch cuộc đời Vũ Nương:*

- Yêu chồng, thương chồng, khao khát đoàn tụ mà lại phải chia li vĩnh viễn.

- Cả đời giữ gìn phẩm giá nhưng phẩm giá bị bôi nhọ đến mức phải tìm đến cái chết để chứng minh cho tấm lòng trong trắng của mình.

Câu 3(54):

Nhận xét về đoạn kết trong tác phẩm “ *Chuyện người con gái nam Xương*” (Nguyễn Dữ), có ý kiến cho rằng đó là một kết thúc có hậu, lại có ý kiến cho rằng đó là kết thúc không có hậu.

Viết đoạn văn khoảng 15 câu trình bày về suy nghĩ của em về vấn đề này.

-**MD**: “*Chuyện người con gái Nam Xương*” là một truyện tiêu biểu viết về đề tài người phụ nữ. Dựa trên cơ sở một truyện cổ tích trong dân gian, Nguyễn Dữ có những hư cấu sáng tạo thêm các tình tiết truyền kì để “*Chuyện người con gái Nam Xương*” trở thành một áng văn đặc sắc mang đậm dấu ấn của thời đại Nguyễn Dữ. *Truyện kết thúc tưởng như có hậu nhưng thực chất đây là kết thúc bi kịch.*

-**TD**: Để đền đáp lòng thủy chung và sự ngay thẳng của nàng, tác giả đã tưởng tượng ra sự hồi sinh của nàng và để nàng trở về dương thế trong khung cảnh sang trọng và xa cách (*ngồi kiệu hoa...*)

+ Sự kiện ấy đã phản ánh ước mơ của con người về sự bất tử, sự chiến thắng của cái thiện, cái đẹp dù nàng chết nhưng bản chất tốt đẹp của nàng vẫn không mất: vẫn nặng tình, nặng nghĩa với chồng con, vẫn khao khát được trả danh dự, vẫn gắn bó với cuộc đời trần thế nhưng lại không thể trở về.

+ Cuộc sống dưới thủy cung cùng các nàng tiên cá và cuộc trở về dương thế trong giây lát chỉ là yếu tố kì ảo => nhằm làm giảm độ căng của truyện, làm giảm nỗi đau trong lòng người đọc nhưng vẫn không làm mất đi tính bi kịch của thiên truyện.

+ Sự tái ngộ của vũ Nương thực chất là sự tái biệt bởi vì Vũ Nương không thể từ cõi chết trở về với sự sống.

Câu chuyện kết thúc nhưng người đọc cứ phải vương vấn mãi một dư vị ngậm ngùi: Nàng Vũ mãi mãi không trở lại bởi XH thời ấy đâu có chỗ cho những con người cao đẹp như nàng.

- **KĐ**: câu chuyện thể hiện rõ tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Dữ.

Câu 4 (54): Trong bài thơ “*Mùa xuân chín*” (Hàn Mặc Tử) có câu:

Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời.

Trong Truyện Kiều của Nguyễn Du cũng có một câu thơ tả mùa xuân :

Cỏ non xanh tận chân trời

(“ *Cảnh ngày xuân*” - Nguyễn Du)

a) Viết đoạn văn khoảng 15 dòng trình bày cảm nhận về 2 câu thơ.

- **MD**: Khi miêu tả bức tranh xuân, cả 2 nhà thơ (Nguyễn Du - Hàn Mặc Tử) đều chọn đối tượng miêu tả là “**cỏ**”, nhưng mỗi người lại chú ý miêu tả một nét đẹp khác nhau về màu sắc, về đường nét chuyển động...

- **TD**: *) 2 câu thơ có nhiều nét tương đồng:

- Cùng miêu tả vẻ đẹp của cỏ non mùa xuân
- Gọi được không gian rộng lớn, sức sống phơi phới mãnh liệt của thảm cỏ xanh tươi.
- Màu xanh của trời, của cỏ tạo nên một không gian, một khung cảnh tươi mát, trang nhã, trong trẻo.

**) 2 câu thơ có nét đẹp riêng::*

- Câu thơ của Nguyễn Du:

Cỏ non xanh tận chân trời.

Nguyễn Du chú ý miêu tả **sắc cỏ** xanh non, 1 màu xanh tươi mơn mơn, phơi phới, màu xanh ấy trải dài tới tận chân trời => gợi bức tranh xuân êm đềm, thanh tĩnh khiến người ta ngỡ ngàng, choáng ngợp trước một biển cỏ xanh non kéo dài hết tầm mắt mà chẳng nơi kết thúc.

- Câu thơ của Hàn Mặc Tử:

Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời

Câu thơ tả “**sóng cỏ**” gợi một không gian động. gió xuân nhẹ nhàng khiến cho sóng cỏ rạp rờn đuổi nhau từng lớp, từng lớp nối tiếp đến tận chân trời...

=> Cảnh vật thật sống động, tươi vui và ấn tượng.

KĐ:TL: Bằng cách thể hiện riêng nhưng cả 2 tác giả đều gợi lên bức tranh xuân tươi mới, trang nhã và tràn trề sức sống.

Câu 6 (55): Viết đoạn văn T- P - H (khoảng 10 câu) phân tích đoạn thơ:

Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng

Cả thân hình nòng thỏ vị xa xăm

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

(“ **Quê hương**” - **Tế**

Hanh)

-MĐ: Đoạn thơ đã khắc họa vẻ đẹp của người dân chài và con thuyền khi đánh cá trở về.

-TĐ: +) *Vẻ đẹp của người dân chài:*

Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng

Cả thân hình nòng thỏ vị xa xăm.

- Làn da của người dân chài ngăm ngăm vì dám nắng, thân hình của họ “*nồng thở vị xa xăm*”

=> Đó là một hình ảnh đẹp, lãng mạn: Câu thơ làm nổi bật dáng vẻ cường tráng, vạm vỡ, từng trải của người dân chài, nước da, thân hình họ được tôi luyện trong nắng, gió và cả vị mặn mòi của biển cả => Một vẻ đẹp thật khỏe khoắn và ấn tượng của người lao động.

+) Tiếp đến là hình ảnh con thuyền:

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ

- Nghệ thuật: *nhân hóa* + *ẩn dụ chuyển đổi cảm giác*. Con thuyền về bến sau khi ra khơi được ví như con người nghỉ ngơi sau một ngày lao động vất vả. Cách nói ấy đã đem đến cho con thuyền vô tri một đời sống và tâm hồn tinh tế:
- Con thuyền đã cảm nhận được vị mặn mòi của biển cả đang lan tỏa, thấm dần vào cơ thể mình.

KĐ: Sau những câu thơ là niềm yêu thương, trân trọng con người dân chài và tình cảm gắn bó sâu nặng của nhà thơ với quê hương.

Câu 5 (Tr. 55):

Viết bài văn ngắn về nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật của Nguyễn Du trong 8 câu thơ cuối “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*”.

A.MB: +) giới thiệu xuất xứ và vị trí của đoạn trích

+) giới thiệu ND KQ của đoạn trích

- Phần trích trên là 8 câu thơ cuối trong đoạn trích “ *Kiều ở lầu Ngưng Bích*” và nằm ở phần II của truyện “*gia biến và lưu lạc*”.

- Đoạn thơ đã làm rõ được tâm trạng đau buồn, thấp thỏm, lo âu và cả những dự cảm hãi hùng được phản chiếu qua cách cảm nhận của Thúy Kiều về thiên nhiên trước lầu Ngưng Bích trong buổi hoàng hôn.

B. TB: +) Điệp từ “*buồn trông*”... mở đầu tất cả các câu 6 diễn tả tâm trạng đau buồn triền miên, chồng chất...

- Buồn mà nhìn xa, buồn mà trông ngóng Nỗi buồn trong lòng người nhuộm vào cảnh vật:

+ *Nơi mặt nước:*

- Nhìn về phía nào cũng chỉ thấy không gian sóng nước mênh mang rợn ngợp: “*cửa bể chiều hôm, ngọn nước mới sa...*” . Trên nền không gian ấy:

- Thấp thoáng bóng con thuyền cô đơn, lẻ loi.

- Cánh hoa nho nhỏ, bị sóng xô đẩy trôi dạt không biết đi đâu, về đâu – *Ấn dụ* cho cuộc đời, số phận lênh đênh, chìm nổi của nàng.

+ *Nơi mặt đất*:

- Nội cỏ rầu rầu ảm đạm, thê lương – *BP nhân hóa*: Nội cỏ mang tâm trạng của Kiều: Trước mắt nàng tất cả đều úa tàn, đều héo hắt. (*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu...*).

+ gió cuốn mặt duềnh

+ âm thanh tiếng sóng (âm ầm).

Từ láy có âm hưởng mạnh mẽ, khủng khiếp: Diễn tả nỗi lo âu, kinh sợ trước sóng gió cuộc đời của nàng.

+) Đây là dự cảm của Thúy Kiều về những biến cố đau đớn, kinh hoàng sắp ập đến...

+) Nguyễn Du đã nhập thân vào nhân vật Thúy Kiều để khám phá và thể hiện tâm tư, tình cảm của nàng.

+) Nhà thơ đã đồng cảm và xót thương sâu sắc cho nỗi đau khổ, hãi hùng của Thúy Kiều.

C.KB: +) Đoạn trích tiêu biểu cho nghệ thuật tả cảnh ngụ ý của Nguyễn Du.

+) Mỗi màu sắc, đường nét của thiên nhiên đều thấm đẫm tâm tư, nỗi niềm của Kiều.

+) Hiểu, đồng cảm, chia sẻ với nhân vật => xót thương => tấm lòng nhân hậu của tác giả.

Câu 7 (55): Trình bày cảm nhận về hình tượng người lính trong bài thơ : “**Đồng chí**” (Chính Hữu)

A – MB: - “*Đồng chí*” (Chính Hữu) là một trong những bài thơ tiêu biểu của thơ ca Việt Nam thời kì kháng chiến chống pháp.

- Bằng cảm hứng hiện thực nhà thơ đã làm rõ vẻ đẹp giản dị, chân thành và mộc mạc về tình đồng chí của những người nông dân mặc áo lính.

B – TB: 1) 7 câu thơ đầu : Cơ sở hình thành tình đồng chí

Họ có nhiều điểm chung:

+ Chung cảnh ngộ xuất thân: Nông dân-nghèo (DC)

+ Chung chiến hào đánh Pháp (DC)

+ Chung mục đích, lý tưởng cuộc đời (DC)

+ Chung những thiếu thốn, gian khổ của cuộc đời người lính (DC)

Hình ảnh: “ Đêm rét chung chăn:

+ biểu hiện của tình thân hữu

+ biến người xa lạ thành “đôi tri kỉ”

NT: Sự biến đổi trong cấu trúc sóng đôi:

Anh – tôi => đôi tri kỉ (xóa mọi danh giới, mọi khoảng cách)

⇒ Họ đã gắn bó với nhau bằng tình cảm mãnh liệt nhất, thiêng liêng nhất của thời đại mình.

- Dòng thơ thứ 7 “**đồng chí**” : có cấu trúc đặc biệt:

+ là cao trào của mọi cảm xúc mà 6 câu trên thể hiện.

+ là tiếng gọi nghẹn ngào, xúc động => sức nặng tình cảm được dồn nén lại.

+ là nốt nhấn của bản nhạc về tình đồng chí.

Chốt: Tình đồng chí được xây dựng trên cơ sở rất bền vững và nó có một ý nghĩa rất thiêng liêng và cao đẹp.

2) 10 câu tiếp: Những biểu hiện cụ thể và cảm động của tình đồng chí

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

- Là sự *thấu hiểu hoàn cảnh của nhau* (khi đất nước có chiến tranh, họ dứt khoát lên đường để bảo vệ tổ quốc bỏ lại sau lưng vợ con, ruộng vườn, nhà cửa...những gì gắn bó thân thiết nhất của cuộc đời mình => hi sinh thầm lặng cho kháng chiến.

- Họ *đồng cảm với nhau trong niềm thương nỗi nhớ* (ở nơi chiến trường, tâm hồn họ vẫn vương bao nỗi niềm thương nhớ...)

NT : Hoán dụ (giếng nước + gốc đa) + *nhân hóa* (nhớ) => giúp người lính diễn tả một cách hồn nhiên và tinh tế tâm hồn mình.

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh

Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi

Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày.

- Là cùng nhau chia xẻ những gian nan khổ cực, thiếu thốn của cuộc đời người lính.

(Ở đây Chính Hữu không chỉ nói về cái khổ mà chủ yếu nói về sự hiểu nhau trong cái khổ).

+ khổ vì bị những cơn sốt rét rừng hành hạ

+ khổ vì trang bị thiếu thốn

Xuất phát từ những khổ cực ấy mà:

“ Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”

Hành động ấy thể hiện:

+ Là sự cảm thông, hiểu nhau, chia xẻ thâm lặng.

+ Ngâm an ủi, khích lệ, động viên nhau.

+ Hoàn thiện vẻ đẹp của người lính Cụ Hồ thời chống Pháp.

Chốt: *Tình đồng chí được biểu hiện một cách cụ thể thật thiêng liêng và cảm động:*

Nhờ có tình cảm đó mà đã giúp họ vượt qua hết thảy mọi khó khăn, thử thách của cuộc đời người lính

3) 3 câu cuối bức tranh đẹp về tình đồng chí:

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo

- Khung cảnh:

+ Đêm tối lạnh lẽo, những giờ khắc căng thẳng trước trận chiến đấu.

+ Rừng đêm hoang vu, sương muối giăng đầy

+ Trước mắt người lính là kẻ thù, là sự hi sinh không tránh khỏi

- Hình ảnh người lính:

+ Người lính vẫn giữ một tư thế điềm tĩnh, chủ động

+ Tâm hồn họ vẫn ung dung, thanh thản

+ Họ không hề có cảm giác lẻ loi, đơn độc => vì bên họ vẫn có người đồng đội sống chết có nhau

- Đặc biệt nhất là hình ảnh cuối bài : *“ Đầu súng trăng treo”*:

- + Là bức tranh đẹp, là vẻ đẹp tâm hồn của người lính trong thời đại cách mạng
- + Hình ảnh ấy tạo nên nhiều liên tưởng thú vị (...)

III-KB:

- Bài thơ thể hiện 1 cách cảm động về tình đồng chí, đồng đội của người lính cách mạng thời chống Pháp.

- Nhà thơ khắc họa hình tượng người lính bằng bút pháp hiện thực (*người lính của ông sang ngồi trong vẻ đẹp mộc mạc, bình dị*)

- Bài thơ thể hiện tài năng của tác giả và cũng là thành tựu xuất sắc nhất của thơ ca cách mạng.

- Câu 8 (Tr. 55):

So sánh hình tượng người lính trong 2 tác phẩm: **“Đồng chí: (Chính Hữu) và “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” (Phạm Tiến Duật).**

(Cảm nhận về hình tượng anh bộ đội Cụ Hồ qua 2 thời kì chống Pháp + chống Mỹ).

A-MB: “Đồng chí” (Chính Hữu) và “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” (Phạm Tiến Duật) là một trong những bài thơ tiêu biểu về thơ ca CM thời chống Pháp và chống Mỹ. Thành công của 2 bài thơ này là đã khắc họa hết sức sinh động và chân thực hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ trong 2 thời kì gian khổ và hào hùng của dân tộc.

B- TB: 1, Điểm chung:

- Đó là những con người mộc mạc, bình dị, chân chất, đời thường của những người nông dân mặc áo lính.

- Họ ở hai thế hệ, hai thời kì nhưng đều mang phẩm chất chung của người lính cách mạng:

- + Tình yêu tổ quốc, tinh thần sẵn sàng chiến đấu, hi sinh vì lí tưởng cách mạng.
- + Tinh thần vượt qua mọi khó khăn thử thách để hoàn thành nhiệm vụ.
- + Tinh thần lạc quan cách mạng, chất lính trẻ trung, hồn nhiên.
- + Gắn bó trong tình đồng chí, đồng đội thiêng liêng và bền chặt.

2. Nét đẹp riêng:

a) Hình tượng người lính chống Pháp qua bài **“Đồng chí” (CH):**

- Xuất thân từ giai cấp nông dân: tâm hồn chất phác, tính cách mộc mạc, bình dị...
- Họ ra đi từ những miền quê nghèo khó, cơ cực (DC)

- Họ phải trải qua những thiếu thốn, gian khổ của cuộc đời người lính.
- Vào bộ đội họ khám phá được một tình cảm mới mẻ, đáng trân trọng: tình đồng chí => Tình cảm ấy được họ bộc lộ một cách chân thành và mộc mạc “ *Thương nhau...*”. Nhờ có tình cảm ấy mà họ vượt qua được mọi khó khăn thử thách....

*b) hình tượng người lính chống Mỹ qua bài “ **Bài thơ về TĐXKK**” (PTD):*

- Họ là những người lính của thế hệ mới trưởng thành trong KC chống Mỹ.
- Tâm hồn họ sôi nổi trẻ trung, tính cách hóm hỉnh, ngang tàng.
- Họ coi khó khăn thử thách là chuyện đương nhiên và coi đó để thử thách ý chí của mình.
- Họ quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ vì MN ruột thịt, vì thống nhất đất nước .

=> Nét riêng ấy thể hiện sự thống nhất trong nhận thức khám phá của các nhà thơ về hình tượng anh BĐ cụ Hồ.

-Đó là sự trưởng thành của người lính đi qua hai cuộc trường chinh và là sự lớn lên về tầm vóc DT được tôi luyện trong lửa đạn chiến tranh.

3. Dấu ấn sáng tạo của mỗi nhà thơ:

- “*Đồng chí*” (CH): - Ngôn ngữ hàm xúc, cô đọng, giàu sức BC.

- Giọng điệu tâm tình, thủ thỉ, sâu lắng.

- chất thơ mộc mạc, giản dị.

=> Phong cách thiên về khai thác nội tâm, tình cảm.

- “ *BTVTĐXKK*” (PTD):

+ Ngôn từ giàu tính khẩu ngữ, tự nhiên, khỏe khoắn mang đậm phong cách lính.

+ Hình ảnh chân thực độc đáo nhưng giàu chất thơ.

+ Giọng điệu lạ, ngang tàng, tinh nghịch, dí dỏm.

=> Phong cách nghiêng về khám phá vẻ đẹp trong CS, trong chiến tranh.

- **C.KB:** Tóm lại, mỗi nhà thơ khai thác và khám phá vẻ đẹp riêng nhưng cả hai bài thơ đều làm sáng lên phẩm chất của anh BĐ cụ Hồ: Đó là những người lính có TYTQ thiết tha, có tinh thần dũng cảm, có ý chí sẵn sàng quyết tử cho TQ quyết sinh... và đó cũng là những người lính trẻ trung, hồn nhiên và tràn đầy niềm lạc quan CM.

Hình ảnh của họ luôn tỏa sáng trong nền thơ ca CM.

- **CÂU 9(Tr. 55):** **Hãy phân tích giá trị nghệ thuật của các hình ảnh thơ sau:**

A-MB: - giới thiệu tác giả-tác phẩm:

-“ Khúc...” là một trong những bài thơ hay của Nguyễn Khoa Điềm ra đời vào những năm tháng chiến tranh khốc liệt nhất của cuộc KCCM (1971).

-Ngoài giá trị nội dung bài thơ còn cho ta thấy vẻ đẹp của những yếu tố nghệ thuật qua việc sáng tạo ra những hình ảnh thơ đẹp, gợi cảm và vô cùng ấn tượng (...)

B-TB: (Phân tích giá trị nghệ thuật của từng hình ảnh).

***) Hình ảnh 1:** *Nhịp chày nghiêng giấc ngủ em nghiêng*

Nghệ thuật **tạo hình** đặc sắc:

+ Diễn tả dáng vẻ, động tác của mẹ khi giã gạo.

+ Gợi được hình ảnh em bé ngủ trên lưng nghiêng nghiêng theo sự chuyển động của mẹ.

+ Qua đó ta cảm nhận được công việc nặng nhọc của người mẹ và giấc ngủ chập chờn của bé.

=> Ý nghĩa đẹp đẽ trong công việc của mẹ: *tình yêu con gắn liền với tình yêu bộ đội*

***) Hình ảnh 2:** *Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ*

Nghệ thuật **tương phản**:

+ Không gian núi rừng rộng lớn - người mẹ bé nhỏ, gầy gò.

+ Sự cần cù, dẻo dai, bền gan, vững chí của bà mẹ Tà-Ôi thương con yêu nước.

***) Hình ảnh 3:** *Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng*

Nghệ thuật **ẩn dụ**:

+ Hình ảnh “mặt trời” được chuyển nghĩa: con là mặt trời của mẹ, là nguồn hạnh phúc, nguồn sức mạnh giúp mẹ vượt qua mọi gian khó, nguy hiểm.

+ Hình ảnh ẩn dụ sáng tạo đó đã ngợi ca, tôn vinh tình mẫu tử thiêng liêng của người mẹ yêu nước thương con, thủy chung với cách mạng.

C-KB: Bằng những hình ảnh thơ đẹp, gợi cảm và vô cùng ấn tượng nhà thơ thể hiện một cách cảm động tình yêu thương con tha thiết hòa chung với tình yêu đất nước, thủy chung với cách mạng của bà mẹ Tà-ôi nói riêng và của người dân yêu nước nói chung.

- **Câu 10(tr. 55):** Phân tích vẻ đẹp của hình tượng thiên nhiên và cuộc sống lao động trong bài thơ “**Đoàn thuyền đánh cá**” (Huy Cận)

A – MB: giới thiệu tác giả, tác phẩm:

-Huy Cận là một trong những nhà thơ nổi tiếng của phong trào thơ mới.

-“Đoàn thuyền đánh cá” là một bài thơ hay viết về đề tài lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội được Huy Cận sáng tác năm 1958 tại Hòn Gai (Quảng Ninh).

+ Bài thơ là 1 khúc hát ca ngợi thiên nhiên, ca ngợi những con người lao động mới say sưa hào hứng lao động để cống hiến và xây dựng đất nước.

B – TB: (Bài thơ viết theo trình tự của 1 chuyến ra khơi)

1. Cảnh ra khơi:

+) Cảnh hoàng hôn trên biển:

Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then đêm sập cửa

Phép so sánh + nhân hóa:

- Thiên nhiên tráng lệ, lộng lẫy.
- Vũ trụ đi vào trạng thái nghỉ ngơi.

+) Hình ảnh đoàn thuyền ra khơi:

-Trên nền thiên nhiên tráng lệ, nổi bật lên đoàn thuyền đang hùng dũng ra khơi

Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi

Câu hát căng buồm cùng gió khơi

Cụm từ “ *Lại ra khơi*”: họ ra đi không phải là lần đầu mà nó đã trở thành nếp sống nhưng niềm hào hứng thì vẫn tràn đầy qua câu hát lạc quan phơi phới.

-Bằng hình ảnh đối lập: Thiên nhiên > < con người => nhà thơ đã ca ngợi lòng nhiệt tình và khí thế của người lao động.

=> cảnh ra khơi mang 1 vẻ đẹp hoành tráng, mộng mơ.

2. Cảnh đánh cá trên biển: (K3)

*) . Vẻ đẹp của người lao động:

Thuyền ta lái gió với buồm trăng

Lướt giữa mây cao với biển bằng

Ra đậu dặng xa dò bụng biển

Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

-Trăng nhuộm thấm dẫm cánh buồm, gió thổi căng cánh buồm đẩy thuyền ra khơi xa...

- Bằng sự liên tưởng độc đáo=> nhà thơ đã thi vị cho con thuyền (*nhà thơ đã tưởng tượng: gió trời là người lái -trắng trời là cánh buồm*)=> con thuyền bỗng trở thành kì vĩ, không lồ hòa nhập với biển cả và vũ trụ bao la => đoàn thuyền không còn cảm giác lẻ loi, đơn độc.

*) Trong khung cảnh đó con người hiện lên với tư thế làm chủ.

- Bằng 1 loạt động từ (dò - dàn đan - vây giăng...)

(phân tích giá trị biểu cảm của các động từ)

+ Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao.

+ Sự sáng khoái của con người làm chủ đất nước.

+ Lòng nhiệt tình lao động với tất cả trí tuệ nghề nghiệp về tình yêu biển, yêu nghề.

=> Cách miêu tả đầy cảm hứng lãng mạn ấy khiến công việc lao động nặng nhọc của người đánh cá đã thành bài ca đầy hứng khởi tự hào của những người lao động mới trong công cuộc xây dựng đất nước.

- Khổ 4: Ngợi ca sự phong phú của biển:

Cá nhụ, cá chim cùng cá đé

- Phép liệt kê:

+ Các loài cá là nguồn hải sản phong phú để người lao động khai thác để dựng xây

+ Cá còn là nguồn cảm hứng sáng tác để ngợi ca.

- Đẹp nhất là hình ảnh:

Cá Song lấp lánh đuốc đen hồng

Cái đuôi...

Đêm thở...

Trong các loài cá biển màu sắc rực rỡ nhất là cá Song (trên nền da sẫm có nhiều đốm hồng như lửa) => Một hình ảnh ẩn dụ đầy hư ảo: dưới ánh trăng ngập tràn những đốm đen hồng đó lấp lánh trông như những ngọn đuốc

=> Làm cho đêm Hạ Long thêm thần tiên và mơ mộng.

*) Khổ 5: Cảnh đánh cá đầy thi vị, lãng mạn:

Ta hát...

Gõ thuyền...

-Người lao động đánh cá trong khung cảnh tràn ngập ánh trăng với sóng biển dạt dào.

-Sóng xô đập vào mạn thuyền tạo nên tiếng nhạc cộng hưởng cho bài ca lao động.

=>Làm cho việc đánh cá không chút nặng nhọc,mệt mỏi mà còn rất sáng khoái,say sưa.

Khổ 6: Bằng hình ảnh thơ tác giả đã tạc một bức tượng ngư dân đầy sức sống:

Ta kéo xoăn tay chum cá nặng.

-Kéo xoăn tay là kéo mạnh,kéo bằng tất cả sức lực khiến cơ bắp nổi cuồn cuộn.

- 2 chữ “ xoăn tay” giàu chất tạo hình => vẽ đẹp khỏe khoắn,gân guốc từng trái của người lao động.

3. cảnh trở về : (tác giả chọn thời điểm đẹp nhất để kết thúc công việc)

- Đoàn thuyền trở về trong buổi bình minh huy hoàng.

- Những người lao động trở về trong niềm hân hoan sung sướng vì thành quả lao động đã đạt được

C – KB:

-Với cảm hứng lãng mạn,bài thơ là *tiếng hát* của nhà thơ dâng tặng cuộc đời.

-Bằng hình ảnh thơ vừa thực vừa ảo nhà thơ đã ngợi ca:

+ sự giàu đẹp của biển

+ Ca ngợi người lao động mới tin yêu cuộc sống mới ngày đêm lao động đề cống hiến và dựng xây.

- **Câu 11 (Tr. 55):** Cảm nhận về tình cảm bà cháu trong bài “**Bếp lửa**” (BV)

A-MB: - Giới thiệu tác giả tác phẩm:

-BV thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong KCCM. Ông viết bài thơ “*Bếp lửa*” vào tuổi 19, đó là năm 1963 khi ông còn là sinh viên đại học Liên Xô.

-Thơ của BV trong trẻo, mượt mà, khai thác những kỉ niệm mơ ước của tuổi trẻ.

NDKQ: bằng cảm xúc chân thành nhà thơ gợi lại:

-Những kỉ niệm xúc động về người bà và tình bà cháu

-Thể hiện lòng kính yêu,trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà và quê hương.

B - Phân tích:

1.Những hồi tưởng về bà và tình bà cháu

a) Khổ 1:

- Sự hồi tưởng bắt đầu từ hình ảnh thân thương:

*Một bếp lửa **chờn vờn** sương sớm*

*Một bếp lửa **ấp iu** nồng đượm*

+ Bếp lửa chờn vờn sương sớm: gần gũi, thân thuộc bao đời.

+ 2 chữ “**ấp iu**” (ấp ủ + nâng niu) => gợi ra bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng chăm chút của bà.

b) Khổ 2,3,4,5: Từ hình ảnh bếp lửa, tác giả nhớ về cả tuổi thơ bên bà. (tuổi thơ ấy nhiều gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằn): (DC)

- Những năm tháng khó khăn:

+ Nạn đói (*đói mòn - đói mòi* 1945)

+ Nạn giặc ngoại xâm (*giặc đốt làng ...*)

- Những năm tháng ấy sống trong sự yêu thương, chăm sóc, đùm bọc của bà (DC)

Sống phải xa bố mẹ, cháu sớm có ý thức tự lập, biết lo toan, biết “*thương bà khó nhọc*”

- Kỷ niệm về bà và tuổi thơ luôn gắn với *hình ảnh bếp lửa*.

Đó là:

+ bếp lửa “*hun nhoèn mắt cháu*”

+ bếp lửa “*bếp lửa sớm chiều bà nhen*”.

- *Bếp lửa* như hiện diện, như tình bà ấm áp là chỗ dựa tinh thần, là sự chăm chút, đùm bọc của bà dành cho cháu (DC).

- *Bếp lửa* còn gợi nhớ đến tiếng chim tu hú mỗi độ hè về gợi ra tình cảnh vắng vẻ và những hoài niệm nhớ mong.

Khổ 6:

2. Những suy ngẫm về bà và bếp lửa:

*) Hình ảnh người bà luôn gắn liền với bếp lửa, ngọn lửa.

- Bà là người nhóm lửa cũng là người luôn giữ cho ngọn lửa ấm nồng và tỏa sáng trong gia đình:

+ Bà tần tảo, giàu đức hi sinh để chăm lo cho mọi người.

+ Người bà và bếp lửa đã trở thành những kỷ niệm ấm lòng, thành niềm tin thiêng liêng diệu kỳ nâng bước chân người cháu trên những chặng đường dài.

(Dù đứa cháu giờ đây đã lớn, đã chắp cánh bay xa, có khói trăm tàu, có niềm vui trăm ngả... nhưng vẫn không thể quên ngọn lửa của bà.)

-Bà nhóm lên bếp lửa là nhóm lên niềm vui sự sống.

-Đó là ngọn lửa trong lòng bà - ngọn lửa của sức sống, của lòng yêu thương và của niềm tin bất diệt.

C – KB: Hình tượng “bếp lửa” vừa thực, vừa mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc.

Qua hình tượng ấy, người đọc cảm nhận được tình cảm bà cháu thật thiêng liêng và sâu sắc.

- **Câu 12 (Tr. 55):** Bài thơ “ *Nói với con*” của **Y Phương** có nhiều câu thơ diễn tả tình cảm và suy nghĩ bằng hình ảnh cụ thể, mộc mạc như cách nói của người DT.

Hãy chọn phân tích hiệu quả của 2 hình ảnh thơ được xây dựng bằng cách nói độc đáo này.

A – MB:

-Xưa nay tình mẫu tử là đề tài phong phú cho thơ ca. Nhưng những bài thơ *nói về tình phụ tử* lại rất ít. Bài thơ “*Nói với con*” (Y Phương) là một trong những tác phẩm hiếm hoi đó.

-Chọn 1 cách nói bằng hình ảnh cụ thể và tình cảm chân thành, mộc mạc, YP đã thể hiện một cách cảm động tình cảm gia đình êm ấm, tình qh tha thiết ngọt ngào và ngợi ca truyền thống nghĩa tình, sức sống mạnh mẽ của người DT.

B – TB:

*) Trong bài thơ có nhiều câu thơ diễn tả tình cảm và suy nghĩ bằng hình ảnh cụ thể, mộc mạc như cách nói của người DT:

Chân phải bước tới cha

Chân trái bước tới mẹ.

Một bước chạm tiếng nói

Hai bước tới tiếng cười.

- Bài thơ đã mở ra với khung cảnh gia đình ấm cúng đầy ắp giọng nói, tiếng cười... của một gia đình sum vầy, hạnh phúc:

+ Hình ảnh em bé ngây thơ lẫm chẫm tập đi, bi bô tập nói trong vòng tay chăm sóc yêu thương của cha mẹ.

+ Hình ảnh cha mẹ dang rộng vòng tay, chăm chút từng bước đi, từng nụ cười, từng tiếng nói của con.

⇒ **Gia đình** chính là cái nôi êm ái, tổ ấm ngọt ngào để con sống lớn khôn và trưởng thành trong niềm yêu thương con cái của cha mẹ.

*) Cách đđ ở đây có nét độc đáo riêng của người miền núi => nói bằng hình ảnh cụ thể : Điệp ngữ “bước tới” trong tình cảm người cha trỗi dậy niềm sung sướng, tự hào.

*) Không chỉ có gia đình, con còn lớn lên, trưởng thành trong cuộc sống lao động sâu sắc của quê hương sâu sắc nghĩa tình:

Người đồng mình yêu lắm con ơi (t/c mộc mạc, chân thành)

Đan lờ cài nân hoa

Vách nhà ken câu hát (c/s ldộng cần cù, tươi vui thật vô tư và trong sáng)

Rừng cho hoa

Con đường cho những tấm lòng (rừng núi quê hương thơ mộng nghĩa tình)

Tác giả chọn một cách nói rất riêng, rất ngộ của người miền núi:

+) “*Người đồng mình*” là người vùng mình, là những người sống cùng trên một mảnh đất, cùng quê hương.

⇒ Đó là cách nói mộc mạc mang tính địa phương của dân tộc Tày nhưng giàu tính biểu cảm.

+) những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc đều được diễn tả trực tiếp bằng hình ảnh:

Đan lờ để bắt cá, những *nan trúc, nan tre đã trở thành “nan hoa”* vách nhà không chỉ ken bằng gỗ mà còn được *ken bằng câu hát*.

- 3 động từ (*đan-cài-ken*) vừa diễn tả động tác vô cùng khéo léo của người đồng mình, vừa phác họa một cuộc sống lao động gắn bó hòa quyện niềm vui.

+) rừng núi của quê hương thật thơ mộng và nghĩa tình.

- Thiên nhiên ấy đã che chở, đã nuôi dưỡng con người về cả tâm hồn và lối sống.

- Hoa là vẻ đẹp của thiên nhiên ban tặng cho người đồng mình.

- Nói “ *con đường cho những tấm lòng*” => Y Phương đã khẳng định môi trường sống của quê hương đã nuôi dưỡng và tâm hồn con trẻ.

⇒ Như vậy, người cha muốn con hiểu **quê hương** mình là vùng đất giàu truyền thống văn hóa và trọng nghĩa tình.

C – KB: Những câu thơ có giọng điệu nhỏ nhẹ, chân tình và rất mới lạ trong phong cách với ngôn ngữ mộc mạc, giản dị rất độc đáo, với cảm xúc, tư duy rất riêng của người miền núi, Y Phương đã thể hiện tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương.

- **Câu 13(Tr. 55):** Viết đoạn văn quy nạp trình bày suy nghĩ về tình yêu thương của người cha dành cho con trong bài “**nói với con**”(Y Phương)

*) *Yêu cầu về hình thức:* - ĐV quy nạp – câu chủ đề đứng cuối đoạn.

*) *Yêu cầu về ND:* - ĐV phải đảm bảo được các ý cơ bản sau:

- Bài thơ đã làm nổi bật hình ảnh người cha yêu thương chăm sóc, nâng niu từng bước đi, từng nụ cười của con, cho con được lớn lên trong không khí đầm ấm HP của gia đình

- Vì thương con nên người cha đã dạy dỗ con những điều tốt đẹp, nuôi dưỡng tâm hồn và tình cảm cho con:

+ *Biết yêu quý gia đình* vì gđ là tổ ấm ngọt ngào để con sống lớn khôn, trưởng thành trong TY thương vô bờ của cha mẹ.

+ *Biết gắn bó với quê hương* vì qh sâu nặng nghĩa tình đã bao bọc con nuôi dưỡng con...

=> Từ đó mà *truyền cho con* niềm tự hào về DT mình vì người đồng mình sống đẹp, có sức sống mạnh mẽ, khoáng đạt, giàu lòng nhân hậu, nghĩa tình và thủy chung.

- *Dạy con biết sống mạnh mẽ, dũng cảm, cao thượng* để xứng đáng với TY thương của cha mẹ, với truyền thống của qh.

TL: Qua những lời dạy con ta thấy tình cảm của người cha dành cho con vừa thâm thiết vừa sâu nặng nghĩa tình vừa mạnh mẽ nghiêm khắc qua những lời nói chân thành, mộc mạc.

Câu 14 (Tr. 56): Hữu Thỉnh đã sử dụng rất nhiều hình ảnh đặc trưng cho mùa thu đồng bằng Bắc Bộ trong bài : “**Sang thu**”.Chỉ ra các hình ảnh ấy và nêu cảm nhận về một hình ảnh mà em thích nhất.

A – MB:

-“*Sang thu*” là bài thơ hay đặc sắc của Hữu Thỉnh sáng tác năm 1977,in lần đầu tiên trên báo Văn Nghệ.

-Bài thơ thể hiện *tâm trạng băng khuâng xao xuyến* của tác giả về những chuyển biến tinh tế của đất trời *lúc sang thu*.

-Trong tác phẩm-đặc biệt trong 2 khổ đầu Hữu Thỉnh sử dụng nhiều hình ảnh đặc sắc đặc trưng cho mùa thu ở đồng bằng Bắc Bộ.

B – TB:

-Mở đầu bài thơ là bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp lúc giao mùa:

*Bỗng nhận ra **hương ổi***

*Phả vào trong **gió se***

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về

-Sự cảm nhận mùa thu bắt đầu là *khứu giác* và *xúc giác*.

+ *Hương ổi* chín thơm lừng phả (lan tỏa) trong *gió se* (gió heo may se lạnh báo hiệu lúc sang thu)

+ Đó cũng là hương vị ngọt ngào của quê hương thân thuộc gắn bó với bao kỉ niệm tuổi thơ.

-Cảm nhận bằng *thị giác* và *cảm giác*:

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về

+ Sang thu-sương nhiều-sương giăng đầy đường thôn ngõ xóm,quần quýt nơi bờ gậu.

+ Sương biết “*chùng chình*”như cố ý chậm lại,như lưu luyến băng khuâng chưa nỡ rời xa mùa hè nồng nàn và cũng như cố ý chậm lại đợi chờ khoảnh khắc lúc thu sang => *biện pháp nhân hóa* làm cho sự vật bỗng trở nên như có hồn...

+ 2 từ (bỗng+hình như): Một phát hiện bất ngờ + một phỏng đoán mơ hồ trong cảm nhận, có gì đó không thật sự rõ ràng càng làm *tăng thêm cảm giác băng khuâng,xao xuyến của tác giả lúc sang thu.*

Khổ 2: Không gian được mở rộng từ gần =>xa,từ thấp =>cao:

Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu.

-Sông đã hết mùa mưa lũ trở nên hiền hòa,phẳng lặng hơn,từ láy “*dềnh dàng*” đã gợi lên hình ảnh dòng sông những ngày đầu thu trời chầm chậm như đang suy tư trong dáng điệu thảnh thơi đến lạ lùng => *nghe thuật nhân hóa* khiến dòng sông như một sinh thể cảm nhận những biến chuyển diệu kì của tạo hóa trong không gian.

-Những cánh chim hết mùa hè sang thu lại bay về phương nam tìm nơi tránh rét.

⇒ 2 hình ảnh đối lập tạo nên *biện pháp nhân hóa* thiên nhiên hiền hòa,sống động.

*) Phút giao mùa được thể hiện đặc thành công nhất qua hình ảnh đặc sắc:

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu.

-Đó là đám mây mùa hạ còn sót lại trên bầu trời thu trong xanh, tạo nên một nét duyên dáng,thơ mộng.

-Hình ảnh “*đám mây vắt nửa mình*” => gợi ta liên tưởng đến *chiếc khăn voan* của người thiếu nữ đang buông trôi trên bầu trời cao rộng...=>Một vẻ đẹp mềm mại,trữ tình => nhà thơ thật khéo léo và sáng tạo đã *lấy không gian để miêu tả thời gian*.

-Động từ “**vắt**” có giá trị gợi cảm cao: Nó không chỉ miêu tả chính xác trạng thái của tạo vật mà Hữu Thỉnh thổi vào tạo vật một cách rất người=> khiến sự vật hiện lên thật duyên dáng và sống động...

C – KB: - Chỉ bằng 2 khổ thơ nhỏ gọn mà tác giả đã vẽ lên bức tranh trong khoảnh khắc giao mùa lúc sang thu ở đồng bằng Bắc Bộ.

-2 khổ thơ thể hiện rõ *tâm trạng băng khuâng,xao xuyến* trước sự chuyển mùa.

- Cũng qua đó ta thấy được sự cảm nhận tinh tế tình yêu thiên nhiên,tình yêu quê hương đất nước của tác giả.

- **Câu 15 (Tr. 56):** Phân tích truyện ngắn : “**Lặng lẽ Sa Pa**” (NTL) để làm rõ nhận định: “*Trong cái lặng im của Sa Pa...cho đất nước*”

A – MB:

-NTL là một trong những cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí.Truyện của ông thường trong trẻo, hồn hậu và giàu chất thơ.

-Truyện ngắn “ *Lặng lẽ Sa Pa* “ là kết quả của chuyến đi Lào Cai mùa hè 1970 của tác giả được in trong tập “*Giữa trong xanh*” 1972.

-Bằng ngòi bút tinh tế *kết hợp giữa tự sự và miêu tả*,tác giả đã khắc họa thành công người lao động bình thường nhưng ngày đêm cống hiến thầm lặng cho đất nước.

(trích nhận định).

B – TB:

1.*Tình huống* truyện. “Lặng lẽ Sa Pa”có một cốt truyện đơn giản, xoay quanh *cuộc gặp gỡ tình cờ* giữa ông họa sĩ già,cô kĩ sư nông nghiệp trẻ và anh thanh niên là cán bộ khí tượng kiêm vật lý địa cầu => nhưng đã gợi ra những suy nghĩ cảm xúc với những vang âm lặng lẽ của các nhân vật.

2.**Nhân vật anh thanh niên** (nhân vật chính,điểm sáng nổi bật)

Người thanh niên sống và làm việc trong hoàn cảnh đặc biệt:

-Một mình trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m,quanh năm chỉ có cây cỏ và mây mù bao phủ.

-Anh gặp vô vàn những khó khăn, trở ngại trong cuộc sống và sinh hoạt nhưng đối với anh thử thách và trở ngại lớn nhất là *sự cô độc*.

2.1- Đặc điểm 1: *Ý thức trách nhiệm và tình yêu đối với công việc:*

+ Công việc của anh là: đo gió, đo mưa, đo chấn động...=> Để dự báo trước thời tiết hằng ngày phục vụ sản xuất và c/đ.

+ Công việc đòi hỏi *tỉ mỉ, chính xác* với 1 thái độ làm việc *ng nghiêm túc và tinh thần trách nhiệm cao*.

DC: Bất kể thời tiết thế nào (...) anh vẫn làm việc rất đúng giờ “**ốp**” và luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Anh tâm sự : “*Khổ nhất... không thể nào ngủ lại được*”

- Hơn ai hết *anh hiểu công việc* thầm lặng của mình là cần thiết và có ích cho mọi người và đất nước.

+ *Anh rất yêu công việc của mình*, nhiều khi lấy công việc làm nguồn vui, nguồn hạnh phúc của mình.

Anh nói: “*Công việc...cháu buồn đến chết mất*”

Anh suy nghĩ thật đẹp về công việc : “*Khi ta làm việc...*”

+ Mới ra nghề có 4 năm, dù còn rất trẻ nhưng anh tỏ ra là người rất *thạo việc, có năng lực trong CM và rất có kinh nghiệm*.

DC: “*Ban đêm không nhìn máy...tính được gió*”

2.2 Đặc điểm 2: *Anh là người yêu đời, thiết tha với cuộc sống.*

-Tìm thấy niềm vui khi đọc sách (như có bạn để trò chuyện)

-Sống trong 1 hoàn cảnh đặc biệt nhưng anh chủ động sắp xếp cuộc sống 1 cách khoa học và ngăn nắp.**(DC)**

2.3 Đặc điểm 3: *Anh là người cởi mở, chân thành và rất mực khiêm tốn.*

-Khao khát được gặp gỡ và được trò chuyện với mọi người (DC)

-Khi tiếp xúc với mọi người: anh cởi mở, chân thành=> dễ gần, dễ mến (DC)

-Được gặp anh, hiểu công việc anh làm=> ông họa sĩ rất mừng và trân trọng anh

=> ông muốn vẽ anh, vẽ chân dung của 1 người lao động mới với lí tưởng cao đẹp nhưng anh vội vàng từ chối vì anh nghĩ:

+ mọi đóng góp của anh chỉ là rất nhỏ bé

+ điều quan trọng hơn, trong cái lặng lẽ của Sa Pa anh muốn làm việc và cống hiến một cách thầm lặng.

Chốt:

Tất cả những nét đẹp đó tạo nên 1 gương mặt, 1 mẫu người đáng yêu, đáng trân trọng.
ở anh người ta tìm thấy 1 tính cách riêng, độc đáo vừa thấy nét chung của tuổi trẻ

Nét riêng: Sôi nổi, hồn nhiên, cởi mở, chân thành, ý thức trách nhiệm cao và niềm say mê với công việc

Nét chung: (nét sống đẹp của tuổi trẻ): năng nổ, nhiệt tình, sống hết mình, cống hiến hết mực cho đất nước

⇒ Điều đó đã giúp anh vượt qua mọi khó khăn, thử thách

3. Các nhân vật phụ.

3.1 – Ông họa sĩ già:

- Bằng sự từng trải của 1 họa sĩ, ông xúc động đến bồi hồi khi bắt gặp một mẫu người lý tưởng mà ông đã ao ước từ lâu.

- Chỉ vài chục phút gặp gỡ khơi 1 ý sáng tác

- Ông là người có tâm trong nghề nghiệp và có những suy nghĩ sâu sắc về cuộc sống và con người: đối với anh thanh niên, ông đã cảm nhận rất sâu sắc vẻ đẹp trong tâm hồn anh.

- Đứng trước anh thanh niên ông họa sĩ hiểu về “sức mạn của NT”.

3.2 – Cô kỹ sư nông nghiệp trẻ

- Là cô gái Hà Nội sống không thực dụng mà sống có lý tưởng.

- Được gặp đỡ và tiếp xúc với anh thanh niên cô hiểu thêm về cuộc sống và con người, cô tin vào con đường mà cô đã lựa chọn.

3.3 – Những con người ở Sa pa:

Ông kỹ sư nông nghiệp ở vườn rau Sa Pa; anh cán bộ địa chất...

⇒ Cống hiến hết mình để xây dựng đất nước.

Chốt: trong tác phẩm các nhân vật đều không có tên, kể cả nhân vật chính (...) họ là những người ở đủ mọi lứa tuổi, đủ ngành nghề, ở mọi nơi nhưng họ có điểm chung:

⇒ **Sẵn sàng hi sinh quyền lợi riêng, quên mình vì công việc chung**

C – KB: Truyện không có cốt truyện nhưng vẫn hấp dẫn bởi:

- Lời văn trong sáng, trau chuốt, giàu chất thơ

- Các nhân vật làm rõ được chủ đề của truyện

“ Trong cái lặng im của Sa Pa... đất nước”.

- Câu 16 (Tr. 56): Vai trò của nhân vật ông họa sĩ trong tác phẩm “Lặng lẽ Sa pa”

A.MB: Trong tác phẩm “Lặng lẽ Sa Pa” ông họa sĩ không phải là nhân vật chính song lại được tác giả gửi gắm nhiều suy nghĩ về con người và NT.

B.TB: - Người kể chuyện nhiều lúc mượn điểm nhìn và suy nghĩ của ông họa sĩ để quan sát và MT bức tranh đời sống:

+ Ngay từ những phút đầu gặp anh thanh niên, nghe những điều anh nói và chứng kiến những việc anh làm => bằng sự trải nghiệm nghề nghiệp, ông đã cảm nhận được sự phong phú trong tâm hồn anh, thấy được lý tưởng sống cao đẹp và phẩm chất cao quý của thế hệ trẻ VN trong thời kì LĐXD đất nước.

+ Qua cái nhìn của ông họa sĩ, các NV và sự kiện trong TP cũng được nhìn nhận một cách sâu sắc hơn (Ý nghĩa chiêm nghiệm về nghệ thuật về cuộc đời)...

=> *CD đẹp như một bức tranh, bức tranh ấy đã khắc họa được đời sống thật phong phú và đa dạng và thật ý nghĩa.*

-Những suy nghĩ của ông họa sĩ thể hiện nhiều suy tư, trăn trở của tác giả về NT, về con người và CS:

+ Có đi sâu vào nội tâm và đời sống của con người ta mới thấy hết được giá trị của CS.

+Làm thế nào để nhìn nhận những gương mặt, những cuộc đời đẹp đẽ ấy sao cho thật gần gũi, chân thực như trong CS đời thường chứ không phải nhìn họ như một ngôi sao xa.

+ Làm thế nào để đặt trái tim người nghệ sĩ vào chính bức tranh ấy ... đó quả là một thử thách lớn đối với ông.

C. KB: Ông họa sĩ – nhân vật phụ, xuất hiện không nhiều nhưng ông đã giữ vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện nhân cách và góp phần làm rõ chủ đề TP.

- CÂU 17 (TRANG 56): Suy nghĩ về tuổi trẻ VN trong thời kì KCCM qua truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” (LMK).

A.MB:- Giới thiệu vai trò của thế hệ trẻ VN trong KCCM:

-Trong công cuộc KCCM cứu nước, thế hệ trẻ VN đóng góp một phần to lớn:

Với lòng yêu nước nồng nàn, với nhiệt tình tuổi trẻ ...họ sẵn sàng hi sinh cho sự nghiệp giải phóng đất nước.

Hình ảnh của họ, sự cống hiến của họ được nhà văn LMK đã khắc họa một cách chân thực và cảm động trong TP.

B.TB: NDKQ: truyện kể về 3 nữ TNXP còn rất trẻ được PC trinh sát mặt đường tại một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn

1. Những khó khăn thử thách mà họ phải vượt qua:

- **NV của họ là:** +) quan sát địch ném bom.

+)Đo khối lượng đất đá cần được san lấp.

+)Đánh dấu những quả bom chưa nổ và phá bom.

=> Công việc của tổ trinh sát hết sức nguy hiểm ,căng thẳng ,thường xuyên phải đối mặt với cái chết.

Đặc biệt họ phải bình tĩnh,cẩn trọng và đối mặt với thần chết,trong mỗi lần phá bom_mà công việc này diễn ra hàng ngày,thậm chí mấy lần trong 1 ngày:khi phá bom” Thần kinh căng như dây pháo,tim đập bất chấp cả nhịp điệu....khi xong việc, quay lại nhìn cảnh đoạn đường 1 lần nữa,thở phào chạy về hang.

2. Trong khó khăn gian khổ ấy họ vẫn vươn lên và tỏa sáng những phẩm chất cao đẹp tuyệt vời.

- Họ luôn cố gắng trong công việc,với tinh thần gan dạ,dũng cảm tuyệt vời họ đã vượt lên mọi khó khăn thử thách và hiểm nguy để quyết tâm hoàn thành NV,tất cả vì MN ruột thịt,vì thống nhất đất nước.

DC: *Mỗi lần phá bom là một lần thử thách, thần kinh căng như chảo, tim đập bất chấp cả nhịp điệu... xong việc quay đầu lại nhìn ... thở phào nhẹ nhõm quay về hang”*

3. Họ vẫn giữ được nét trẻ trung,hồn nhiên,yêu đời của tuổi trẻ.

- CS của 3 cô gái ở nơi trọng điểm giữa chiến trường dù khắc nghiệt và nguy hiểm nhưng họ vẫn có những niềm vui hồn nhiên của tuổi trẻ,những giây phút thanh thản mơ mộng.

+) Ph Định là cô gái trẻ đẹp Hà thành có đôi mắt xa xăm,hay hát, thích xuyên tạc bài hát, thích ngắm mình trong gương...

+) Nho thích thêu thùa...

+) Chị Thao thích chép bài hát....

- Đặc biệt họ hồn nhiên đón nhận cơn mưa đá với niềm vui con trẻ

- (Nhất là P.Định: cô vui thích,cuống cuồng,niềm vui mở tung ra say sưa,tràn ngập..)

Họ yêu thương,gắn bó với nhau trong tình đồng chí,đồng đội.

_3 chị em sống với nhau,mỗi người 1 cá tính nhưng họ rất hiểu nhau:

+) Họ đã gắn bó với nhau,yêu thương nhau hơn cả ruột thịt(có lẽ vì hoàn cảnh chiến tranh,cái chết đến bất cứ lúc nào

- +) Ph.Định cô giành tình cảm yêu thương Nho: người bạn như cây kem trắng.
- +) Giành tình cảm quý mến, trân trọng chị Thao_1 con người cương quyết, táo bạo.
- +) Trong 1 lần phá bom, Nho bị thương, chị Thao và Ph.Định lo sợ đến lặng người, săn sóc tận tình....

C. KB: Truyện “ *Những.....xa xôi*”, của **LMK** đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh nhưng rất hồn nhiên lạc quan của những cô gái TNXP trên tuyến đường TR.Sơn. Đó chính là hình ảnh đẹp, tiêu biểu về thế hệ trẻ VN trong thời kì KCC Mĩ.

- Truyện sử dụng vai kể là NV chính => cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ sinh động trẻ trung và đặc biệt thành công về NTMT tâm lí NV.

- CÂU 18(Tr. 56): **Nêu và pt ngắn gọn ý nghĩa của hình ảnh biểu tượng trong truyện ngắn “*Bến quê*”(NMC).**

A.MB: “*Bến quê*” là truyện ngắn in trong tập truyện ngắn cùng tên xb năm 1985.

ND chứa đựng những suy nghĩ, trải nghiệm sâu sắc của nhà văn trước cuộc đời. Thức tỉnh mọi người về vẻ đẹp và giá trị cao quý của những điều bình dị, gần gũi quanh ta. Trong truyện NMC đã sáng tạo những hình ảnh thực mà giàu ý nghĩa biểu tượng.

B.TB: *Nêu và pt ý nghĩa của những hình ảnh biểu tượng:*

1) *Hình ảnh bãi bồi bên kia sông và toàn bộ khung cảnh TN* được dựng lên trong truyện => Đó là vẻ đẹp của đời sống gần gũi, thân thuộc, mộc mạc mà bình dị như một bến quê, một bãi bồi..... suy rộng ra là quê hương xứ sở.

2) *Những bông hoa bằng lăng cuối mùa màu sắc như đậm hơn, tiếng những tảng đất lở ở bờ sông bên này, khi cơn lũ đầu nguồn đã dồn về, đổ ụp vào trong giấc ngủ của Nhĩ* lúc gần sáng.
=> 2 chi tiết này gợi ra cho biết sự sống của NV Nhĩ đã ở vào những ngày cuối cùng.

3) *Đứa con trai của Nhĩ sa vào một đám chơi phá cờ thế trên hè phố* => là biểu tượng cho sự chùng chình hay vòng vèo mà con người khó tránh khỏi trên đường đời.

4) *Hình ảnh Nhĩ cố giơ một cánh tay ra ngoài cửa sổ khoát ra hiệu cho 1 ai đó, như lời giục giã, nhắn gửi của nhà văn:* Hãy biết tìm về với những giá trị đích thực của cuộc đời.

C.KB: Trong truyện mọi hình ảnh đều mang 2 lớp nghĩa: nghĩa thực và nghĩa biểu tượng. Hai lớp nghĩa này gắn bó thống nhất và tác dụng làm rõ chủ đề tác phẩm

NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

A. NGHỊ LUẬN VỀ HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG: Đề 19,20,21 tr 56

***) KN:** Là bàn về các sự vật, hiện tượng có ý nghĩa đời sống XH, sự việc ấy đáng khen? Chê ? lợi? hại ? hay ? dở ?

=> Từ đó mà bày tỏ thái độ đồng tình hay phản đối rồi chỉ ra nguyên nhân hay phương hướng hành động.

A. MB: - Trực tiếp

- Gián tiếp: + dẫn dắt vào vấn đề(nêu hoàn cảnh, xuất xứ của vấn đề).

+ Nêu vấn đề nghị luận

+ Trích dẫn ý kiến hay nhận định...

B.TB: 1. *Nêu biểu hiện* của sự việc, hiện tượng.

2. *phân tích sự đúng sai*, hay dở, lợi hại....

3. *bày tỏ thái độ đồng tình hay phản đối*...

4. Chỉ ra *nguyên nhân* và đưa ra các *giải pháp*.

***) Liên hệ bản thân:** Bài học nhận thức và hành động rút ra từ vấn đề nghị luận.

C.KB: - Khẳng định tính cấp thiết của vấn đề.

- Nhấn mạnh tác dụng của nó đối với đời sống XH.

B. NGHỊ LUẬN VỀ ỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG ĐẠO LÍ:

***)KN:** Là bàn về tư tưởng, VH, đạo đức, lối sống...của con người. bằng cách giải thích, CM, so sánh, phân tích...để chỉ ra chỗ đúng, chỗ sai của một tư tưởng nào đó nhằm khẳng định tư tưởng của người viết.

***) CÁCH LÀM BÀI**

A. MB: giới thiệu vấn đề tư tưởng, đạo lí cần bàn luận (trực tiếp, gián tiếp)

B. TB: 1. Giải thích và CM tư tưởng, đạo lí.

2. Nhận định, đánh giá vấn đề tư tưởng đạo lí đó trong hoàn cảnh riêng – chung, cá nhân – cộng đồng...

C.KB: - Kết luận, tổng kết

- Nêu nhận thức mới.

- Bày tỏ thái độ hoặc ý chí ,hành động.

*) **PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG:** giải thích, CM, phân tích, tổng hợp.

ĐỀ 19 (tr. 56): Viết bài văn ngắn trình bày suy nghĩ về vấn đề học tủ.

Dàn bài chi tiết tr. 78.

ĐỀ 20(TR 56): Viết bài văn ngắn trình bày suy nghĩ về vấn đề bạo lực học đường

Dàn bài chi tiết tr. 79

ĐỀ 22(TR 56): Nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lí: Chiến thắng sự ích kỉ trong câu chuyện trong quà tặng cuộc sống.

Dàn bài chi tiết tr. 80.

ĐỀ 21(TR 56): Viết bài văn ngắn trình bày hiện tượng có một số HS nghiện Internet.

A.MB: Đối với lứa tuổi HS, trò chơi điện tử là thứ tiêu khiển rất hấp dẫn. Nhiều bạn vì quá mải chơi mà sao nhãng việc học tập và phạm vào nhiều sai lầm khác.

B.TB: 1.Thực trạng

– XH hiện đại, trình độ KHCN phát triển bên cạnh những thế mạnh không thể phủ nhận thì Internet có những mặt tiêu khiển có hại.

-Đó là trò chơi tiêu khiển mới lạ, hấp dẫn: Đá bóng, đua xe...

-Những trò chơi này đòi hỏi người chơi phải sáng tạo, sự kiên trì, nột chút khéo léo và đặc biệt nó kích thích trí tò mò rất lớn.

2. Nguyên nhân: Chính vì hấp dẫn như vậy nên một số lớn HS rất đam mê, một số em trở thành nghiện không chơi không chịu được.

3. Hậu quả:- Sao nhãng việc học hành, bỏ giờ, bỏ tiết, bỏ học nhiều ngày... => KQ học sa sút.

- Tổn kém thời gian và tiền bạc...

- Ko có tiền chơi sinh ra dối trá, ăn cắp, ăn trộm => đạo đức xuống cấp...

- Khiến bố mẹ và thầy cô phiền lòng.

4. Giải pháp:

- Cần phải tỉnh táo, làm chủ bản thân để từ bỏ vì nó có quá nhiều tác hại cho bản thân, gia đình và XH.
- Hướng niềm đam mê vào việc HT (Khai thác kiến thức trên mạng...)
- Tham gia vào các trò chơi bổ ích như thể thao...
- Xác định rõ ràng và đúng đắn động cơ và MĐ HT.

C. KB: - Rút ra thái độ và hành động cho bản thân.

- Hãy nhớ rằng: Điện tử là trò chơi tiêu khiển hấp dẫn nhưng đừng quá đam mê mà sa vào những hậu quả tai hại.

BÀI TẬP TỔNG HỢP:

ĐỀ 1: Truyện Kiều của Nguyễn Du là kiệt tác số một của nền VHDT.

a)Giới thiệu giá trị cơ bản về ND và NT Truyện Kiều:

-MB: Truyện Kiều của **Nguyễn Du** là kiệt tác số một của nền VHDT. Dựa theo cốt truyện của Thanh Tâm Tài Nhân TQ nhưng phần sáng tạo của Nguyễn Du là hết sức lớn nó làm nên giá trị có một không hai của **Truyện Kiều**.

-TB: 1. Giá trị hiện thực:

- TP phản ánh sâu sắc hiện thực XH đương thời với bộ mặt tàn bạo của tầng lớp thống trị và bọn lưu manh:

(Tên quan xử kiện vụ thắng bán tơ, vợ con quan lại nhà họ Thúc, tên quan âm ô, bỉ ổi Hồ Tôn Hiến, bọn lưu manh buôn thịt bán người...)

-TP cũng thể hiện rõ số phận con người bị áp bức đặc biệt số phận bi kịch của người phụ nữ mà tiêu biểu là Thúy Kiều.

TK 15 năm lưu lạc của Thúy Kiều, Nguyễn Du viết:

Thương thay cũng một kiếp người

....

2. Giá trị nhân đạo:

- **Truyện Kiều** là tiếng nói thương cảm trước số phận bi kịch con người.
- **Truyện Kiều** là tiếng nói tố cáo những thế lực xấu xa, những kẻ bất nhân.
- TP đề cao tài năng nhân phẩm và khát vọng chân chính của con người
(quyền sống, quyền khát vọng tự do, công lý, TY HP).

3. Giá trị nghệ thuật:

- **Truyện Kiều** kết tinh NT VHDT trên 2 phương diện chính là *ngôn ngữ và thể loại* (Kết hợp tự sự và trữ tình).
- Thể loại thơ lục bát và ngôn ngữ VH đạt đến đỉnh cao NT.
- NT Xd nhân vật: Chính diện (ước lệ) – Phản diện (tả thực).
- NT MT đa dạng: tả cảnh cũng như tả cảnh ngụ tình đều rất đặc sắc.
- **KB:** - Kiệt tác Truyện Kiều đã đưa nền VH nước nhà lên đỉnh cao của NT, Nguyễn Du xứng đáng là một đại thi hào của DT, một danh nhân VH thế giới.

b) Viết ĐV **diễn dịch** khoảng 10 câu phân tích **NT tả người** của Nguyễn Du qua đoạn trích **Chị em Thúy Kiều**.

⇒ - **MD:** Tả chị em Thúy Kiều, Nguyễn Du sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng, lấy vẻ đẹp của TN để so sánh với vẻ đẹp của con người. Qua 2 cách MT, tạo nên 2 vẻ đẹp khác nhau, chân dung nhân vật hiện lên sinh động, sắc nét, riêng biệt.

- **TD:** 1. Trước hết tg tả Thúy Vân:

Vân xem trang trọng khác vời

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang

Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.

- Cách MT thiên về nhan sắc:

- Chỉ 4 dòng thơ Vân hiện lên với một sắc đẹp tươi tắn trẻ trung: Khuôn mặt nàng sáng đẹp tươi tắn như mặt trăng ...

Phép ước lệ kết hợp với nhân hóa, so sánh, ẩn dụ thật tài tình => Từng nét trên gương mặt TV hiện lên rất rõ ràng, cụ thể, nét nào cũng đẹp, cũng tươi rói, một vẻ đẹp đoan trang phúc hậu => Dự báo một cuộc đời yên ả, bình lặng.

2. Tiếp đến là tài sắc Thúy Kiều: Khác với TV, TK được phác họa qua vài nét nổi bật nhưng rất ấn tượng :

Kiều càng sắc sảo mặn mà

So bề tài sắc lại là phần hơn

Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

Cách MT thiên về tài năng và chiều sâu về tâm hồn.

Ta có thể cảm nhận được vẻ đẹp non nước trong đôi mắt của Kiều:

- Đôi mắt ấy long lanh, thăm thẳm như làn nước mùa thu
- Đôi lông mày tươi non mơn mớn như dáng núi MX.
- Đôi mắt ẩn chứa một tâm hồn phong phú và một trái tim đa sầu, đa cảm, một tấm lòng nhân hậu, vị tha.
- Sắc đẹp của nàng khiến thiên nhiên cũng sinh lòng đố kị: hoa cũng phải ghen tức vì không tươi thắm được bằng nàng, liễu cũng phải hờn dỗi vì không mềm mại, thướt tha được bằng nàng.

=> NT ước lệ kết hợp với phép nhân hóa, ẩn dụ được sử dụng thật tài ba: nàng quả là một tuyệt thế giai nhân có một không hai thêm vào đó là một trí thông minh trời phú, một tài năng đa dạng hiếm có => Qua đó tác giả dự báo một cuộc đời đầy sóng gió và trắc trở.

C) Chỉ ra 3 PLK được sử dụng trong ĐV:

1. Phép nối: Trước hết, Tiếp đến, khác với TV.
2. Phép thế: TV – nàng, TK – nàng, tg – nhà thơ
3. Phép lập: Nàng, TV, TK, ước lệ, so sánh, nhân hóa, ẩn dụ...

CÂU 2(Tr. 57): Một trong những thành công nổi bật của Nguyễn Du trong đoạn trích *Chị em Thúy Kiều* là sử dụng bút pháp ước lệ để MT nhân vật chính diện.

a) Thế nào là bút pháp ước lệ:

- +) Lấy vẻ đẹp của thiên nhiên để gợi tả vẻ đẹp của con người.
- +) Tả theo những quy ước đã định sẵn của văn chương cổ gọi là (Công thức MT).
- Ví dụ:

Tả người phụ nữ đẹp: mặt hoa, mày liễu

Tả người anh hùng: râu hùm, hàm én, mày ngài

b) Những câu thơ tả Thúy Vân, Thúy Kiều sử dụng phương pháp ước lệ:

Tả Thúy Vân:

Vân xem trang trọng khác vời

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang

Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da

Tả Thúy Kiều:

Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoàng hôn thua thắm liễu hờn kém xanh

c) Viết đoạn văn ngắn phân tích tài nghệ MT ngoại hình NV của Nguyễn Du trong đoạn trích này:

- **MD:** Tả chị em Thúy Kiều, Nguyễn Du sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng, lấy vẻ đẹp của TN để so sánh với vẻ đẹp của con người.

- **TD:** 1. Trước hết tả Thúy Vân:

Vân xem trang trọng khác vời

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang

Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.

- Cách MT thiên về nhan sắc: Chỉ 4 dòng thơ Vân hiện lên với một sắc đẹp tươi tắn trẻ trung: Khuôn mặt nàng sáng đẹp tươi tắn như mặt trăng ...

Phương pháp ước lệ kết hợp với nhân hóa, so sánh, ẩn dụ thật tài tình => Từng nét trên gương mặt TV hiện lên rất rõ ràng, cụ thể, nét nào cũng đẹp, cũng tươi rói, một vẻ đẹp đoan trang phúc hậu => Dự báo một cuộc đời yên ả, bình lặng.

2. Tiếp đến là tài sắc Thúy Kiều: Khác với TV, TK được phác họa qua vài nét nổi bật nhưng rất ấn tượng:

Kiều càng sắc sảo mặn mà

So bề tài sắc lại là phần hơn

Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

Cách MT thiên về tài năng và chiều sâu tâm hồn.

Ta có thể cảm nhận được vẻ đẹp non nước trong đôi mắt của Kiều:

- Đôi mắt ấy long lanh, thắm thắm như làn nước mùa thu

- Đôi lông mày tươi non mơn mớn như dáng núi MX

- Sắc đẹp của nàng khiến thiên nhiên cũng sinh lòng đố kỵ: hoa cũng phải ghen tức vì không tươi thắm được bằng nàng, liễu cũng phải hờn dỗi vì không mềm mại, thướt tha được bằng nàng.

=> NT ước lệ kết hợp với phép nhân hóa, ẩn dụ được sử dụng thật tài ba: nàng quả là một tuyệt thế giai nhân có một không hai thêm vào đó là một trí thông minh trời phú, một tài năng đa dạng hiếm có, một trái tim nhân hậu, đa sầu, đa cảm...=> Qua đó tác giả dự báo một cuộc đời đầy sóng gió và trắc trở.

⇒ Qua 2 cách MT, tạo nên 2 vẻ đẹp khác nhau, chân dung nhân vật hiện lên sinh động, sắc nét, riêng biệt.

Câu 3 (Trang 57): Cho câu mở đầu (của 1 bạn học sinh):

“ Với Thúy Kiều, không những Nguyễn Du chỉ gọi tả vẻ đẹp hình thức mà nhà thơ còn nhấn mạnh vẻ đẹp, tài năng và tâm hồn của nàng”.

Hãy cho biết:

a) Đoạn văn **trước** viết về đề tài gì?

⇒ Đoạn văn trước viết về đề tài vẻ đẹp hình thức của Thúy Kiều.

b) Đoạn văn **chứa câu đó** có đề tài: Vẻ đẹp tài năng, tâm hồn của Thúy Kiều

⇒ Nhờ cặp QH từ LK: “không những...mà”

c) Lấy câu đó làm câu chủ đề, viết đoạn văn **đđ** khoảng 12 câu:

- **MD:** với Thúy Kiều không những Nguyễn Du chỉ gọi tả vẻ đẹp hình thức mà nhà thơ còn nhấn mạnh vẻ đẹp tài năng, tâm hồn của nàng:

- **TĐ:** *Thông minh vốn sẵn tính trời*

.....

Nghề riêng ăn đứt Hồ Cầm một chương.

DX:

- Nàng có 1 tri thông minh bẩm sinh và 1 tài năng đa dạng hiếm có: Cầm – kì – thi – họa nàng đều biết cả.
- Đặc biệt, nổi trội hơn cả là tài đàn, nàng đánh đàn Hồ Cầm rất giỏi; Tiếng đàn của nàng làm Kim Trọng xao xuyến, và cũng chính tiếng đàn ấy làm cho Hồ Tôn Hiến -1 tên quan tổng đốc dâm ô, bỉ ổi khi nghe cũng phải “*nhấn mày rơi châu*”.
- Ngoài ra, Thúy Kiều còn có khả năng sáng tác nhạc. Nàng tự chế ra những giai điệu buồn vui phù hợp với lòng mình. Tâm hồn phong phú, trái tim đa cảm, tình cảm sâu sắc của nàng đã kết tinh gửi gắm trong khúc nhạc có tên “**bạc mệnh**”. Than ôi ! Nàng có ngờ đâu cái mệnh bạc ấy lại ứng vào chính cuộc đời nàng.
- Nhưng tài hoa thì bạc mệnh, tài sắc của nàng không những không được tôn trọng mà xã hội phong kiến bấy giờ đã biến thành 1 miếng mồi ngon để chúng buôn đi bán lại để kiếm lời.
- Phải chăng đó là ẩn ý dự báo số phận, 1 tương lai không yên ổn của Thúy Kiều: về sắc thì thiên nhiên sinh lòng đố kị (*hoa ghen, liễu hờn*), về tài, thiên nhạc “**bạc mệnh**” khiến ai cũng phải náo lòng.

d) 3 PLK câu đã sử dụng trong đoạn văn:

- + . *Phép nối*: Ngoài ra, nhưng.
- + . *Phép thế*: TK- nàng; Hồ Tôn Hiến - quan tổng đốc trọng thần
- + . *Phép lặp*: nàng, tiếng đàn, đàn.

- **Câu 4 (Tr. 57)**: Dựa vào tác phẩm “ *Chuyện người con gái Nam Xương*” (Nguyễn Dữ) và đoạn trích: “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*” (Nguyễn Du), trình bày suy nghĩ của em về **thân phận người phụ nữ** trong xã hội cũ.

A – MB: giới thiệu đề tài chung:

- Trong vô số nạn nhân của xã hội phong kiến có 1 tầng lớp mà hết thầy các nhà văn nhân đạo đều đau xót, trân trọng và tập trung viết về họ: Đó là người phụ nữ.

Giới thiệu phạm vi và chủ đề phân tích:

- Họ đều là những người có tài sắc, đức hạnh, nết na nhưng lại phải chịu cuộc đời bất hạnh, khổ đau
- Viết về họ, các nhà văn đều bày tỏ tiếng nói đồng cảm của mình và dành cho họ những tình cảm ưu ái nhất

⇒ Điều đó đã thể hiện rõ trong tác phẩm : “ *Chuyện người con gái Nam Xương*” (Nguyễn Dữ), và đoạn trích “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*” (Nguyễn Du)

B – TB (Triển khai nội dung khái quát)

1/ Họ đều là những người phụ nữ nhan sắc, đức hạnh vẹn toàn nhưng lại phải chịu 1 cuộc đời bất hạnh, khổ đau.

a) **“Vũ Nương** thù mị nét na lại thêm tư dung tốt đẹp”. Khi chồng đi lính nàng vất vả, cô đơn:

+ 1 người mẹ thương con

+ 1 người con dâu hiếu thảo

+ 1 người vợ đảm đang, thủy chung với chồng

⇒ Nhưng nàng lại phải chịu 1 cuộc đời oan trái, khổ đau

Kể về nỗi oan (vì chồng ghen tuông mù quáng) => nàng bị sỉ nhục, ruồng bỏ, cuối cùng nàng phải tìm đến cái chết:

Sau 3 năm Trương Sinh đi lính trở về, nàng chưa được hưởng niềm vui sum họp => nàng bị chồng nghi oan, ruồng rẫy (từ lời nói của con đại vô tình) => 1 nỗi oan tày đình mà nàng thiết tha giải bày không được => quá đau khổ và tuyệt vọng => nàng phải tìm đến cái chết để chứng minh cho tấm lòng ngay thẳng và thủy chung của mình

– Nàng vô tội => bị buộc tội, thủy chung chờ đợi chồng => Lòng thủy chung bị nghi oan, cố giữ gìn phẩm giá => phẩm giá bị bôi nhọ. Sự hi sinh cao cả, thâm lặng của nàng ko những ko được đền đáp mà lại phải trả giá bằng cái chết bi thảm, oan khốc.

b) **Thúy Kiều**: Một người con gái xinh đẹp tài hoa, một tuyệt thế giai nhân giàu lòng nhân ái vị tha... mà nàng lại phải trở thành nạn nhân của XH đồng tiền đen bạc.

– Để có tiền cứu cha và em, Kiều phải bán mình cho MGS, rồi nàng bị Tú Bà lừa đẩy nàng ra ở lầu Ngưng Bích => nàng phải sống những ngày cô đơn hãi hùng.

(DC: Kiều ở lầu Ngưng Bích).

- Cũng vì món lợi đồng tiền mà nàng bị đẩy vào chốn lầu xanh nhơ nhớp, đắng cay. Nhiều khi đau đớn, tuyệt vọng, nàng muốn chết mà không chết được, hết nạn nọ chưa qua, nạn khác lại ập đến => nàng phải lưu lạc và nếm đủ mùi gian khổ suốt 15 năm.

2. MT thân phận đau khổ ấy, các tác giả đã bày tỏ sự đồng cảm, thương xót cho cuộc đời người phụ nữ và lên án, tố cáo XH cũ đen tối, bất công:

*) **Nguyễn Dữ**:

- Hóa thân vào nỗi đau oan ức để cùng thổn thức với nỗi niềm của nhân vật

(3 lời than của Vũ Nương).

- Găm vào lòng người đọc nỗi chua xót về số phận mỏng manh của người phụ nữ (qua hình tượng cái bóng).
- *Lên án tố cáo* XH nam quyền, tố cáo chiến tranh phi nghĩa.

***) Nguyễn Du:**

- *Thương cảm* cho số phận đắng cay, tủi nhục của Thúy Kiều ông phải thốt lên đau đớn:

Thương thay cũng một kiếp người

...

Làm gương cho khách hồng quần thử soi.

- Ông tố cáo XH đồng tiền:
 - + Vì tiền mà nhiều kẻ đã trở thành bất nhân
 - + Vì tiền mà bao kẻ vô tội trở thành nạn nhân đau khổ.

A. KB: - ý nghĩa tác dụng của vấn đề:

Tuy cùng viết về đề tài người phụ nữ nhưng mỗi TP lại có cách thể hiện ở mỗi cảnh đời khác nhau nhưng đều phản ánh một hiện thực chung của XH cũ: “*Hồng nhan bạc mệnh*” cũng qua đó các nhà văn đều bộc lộ tình cảm xót thương trân trọng họ, hết lời ca ngợi, phản ánh ước mơ của họ.

– Liên hệ.

CÂU 5(Tr 57): 3 câu thơ trong bài bếp lửa của Bằng Việt.

a) *Hình ảnh bếp lửa* cụ thể được nâng lên thành một hình ảnh mang tính biểu tượng ngọn lửa.

=> Ngọn lửa là biểu tượng cho TY thương, cho đức hi sinh được thắp lên trong lòng bà.

b) *Ý nghĩa của hình ảnh ngọn lửa:*

- Ngọn lửa ấy không đơn thuần được nhóm lên bằng nhiên liệu bên ngoài mà được nhóm lên bằng cả tình cảm yêu thương, niềm tin, sự nhẫn nại, thầm lặng của bà.

c) *Triển khai ND trên thành ĐV dài khoảng 10 – 15 câu trong đó có sử dụng hình ảnh so sánh.*

MĐ: *Bếp lửa* là một bài thơ cảm động của nhà thơ **BV** viết về người bà kính yêu. Trong bài thơ, hình ảnh người bà luôn gắn liền với với bếp lửa thân thương.

TĐ: *Rồi sớm rồi chiều bếp lửa bà nhen*

Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...

- Từ bếp lửa đưa cháu nghĩ về *ngọn lửa* – một hình tượng mang ý nghĩa biểu tượng.
- Ngọn lửa của tình thương luôn ủ sẵn, ngọn lửa của niềm tin vô cùng dai dẳng bền bỉ và bất diệt.
- Ngọn lửa ấy không đơn thuần được nhóm lên bằng nhiên liệu bên ngoài mà được nhóm lên bằng cả TY, niềm tin, sự nhẫn nại thầm lặng của bà.
- Các từ ngữ chỉ thời gian rồi sớm, rồi chiều cùng các động từ “*nhen, ủ sẵn, chứa*” đã khẳng định phẩm chất, ý chí, bản lĩnh sống của bà.

=> Đó là tư tưởng vô cùng tiến bộ hiếm thấy ở những người mà tuổi tác đã như bà.

- Với phẩm chất ấy, bà đã âm thầm đón nhận gian khổ và nhọc nhằn, phải chăng đó là sự hi sinh thầm lặng cho kháng chiến.
- **KĐ:** Hình ảnh thơ đã để lại trong lòng người đọc những cảm xúc sâu lắng, xúc động.

CÂU 6 (Tr. 57): Nêu 3 TP viết về tình mẫu tử:

- Con cò (CLV).
- Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ (NKĐ).
- Mây và sóng (Ta go).

b) Viết ĐV diễn dịch khoảng 12 câu ca ngợi tình mẫu tử.

Đoạn văn phải đảm bảo được các ý sau:

- TY thương vô bờ bến, sự hi sinh cao cả mà thầm lặng của người mẹ dành cho con.
- Sự gắn bó sâu nặng giữa hai mẹ con.
- Những điều con cần làm để đền đáp công ơn của cha mẹ.

=> Qua đó thấy được tình mẫu tử thật thiêng liêng và bất diệt.

***) ĐV tham khảo:**

- Tình mẫu tử thiêng liêng bao đời nay vẫn là mạch nguồn cảm hứng vô tận của thi ca. Đã có rất nhiều TP ca ngợi tình mẫu tử làm xúc động lòng người.

- Tuy vậy trong mỗi TP các tác giả khai thác tình mẫu

u tử ở những khía cạnh khác nhau:

+ Trong bài thơ **Con cò (CLV)**: Hình ảnh con cò mang ý nghĩa biểu tượng về lòng mẹ, về sự dịu dặt, nâng đỡ dịu dàng và bền bỉ của người mẹ đối với con trong suốt cuộc đời;

Con dù lớn vẫn là con của mẹ

Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con.

+ Bài thơ **Mây và Sóng (Ta Go)** thể hiện thật cảm động và tinh tế về sự gắn bó sâu nặng giữa hai mẹ con, nhờ tình mẫu tử thiêng liêng mà con tránh được những cám dỗ ngọt ngào.

+ Trong bài thơ **Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ (NKĐ)**.

- Người mẹ coi con mình là của cải quý giá nhất – là vũ trụ của riêng mẹ, con là ánh sáng, là niềm vui, niềm hạnh phúc của đời mẹ.

⇒ Mỗi bài thơ đều có cách thể hiện riêng nhưng đều làm toát lên được: Tình mẹ thật bao la, nó giống như dòng nước trong nguồn chảy mãi không bao giờ vơi cạn – Phải chăng đó chính là TY thương trong sáng ngọt ngào, sự hi sinh bền bỉ và thâm lặng của mẹ đối với con.

⇒ Thế mới biết tình mẫu tử thật thiêng liêng và bất diệt. Để đền đáp công ơn ấy, con cần phải có hiếu với cha mẹ bằng việc làm, hành động thiết thực.

CÂU 7(Tr. 57):

- Viết **ĐV diễn dịch** dài khoảng từ 8 – 10 câu cho sẵn câu chủ đề trong “ **Viếng Lăng Bác**” (VP). – Trong đó có chứa TP biệt lập.

(TP biệt lập: - là TP ko nằm trong cấu trúc cú pháp của câu, được dùng để diễn đạt thái độ của người nói, cách đánh giá của người nói đối với sự việc nói trong câu – hoặc đối với người nghe).

- **MD**: Trong bài thơ **Viếng Lăng Bác**, ngoại cảnh chỉ được MT chấm phá vài nét còn chủ yếu tác giả bộc lộ tâm trạng cảm xúc yêu thương, ngưỡng mộ của mình đối với chủ tịch HCM.

- **TD**: - Tâm trạng, cảm xúc ấy được thể hiện theo trình tự cuộc vào lăng viếng Bác:

- Trước hết là cảm xúc dâng trào, xúc động khi nhìn thấy *hình ảnh hàng tre* bên ngoài lãng, tiếp đó là CX trước hình ảnh dòng người bất tận ngày ngày vào lãng viếng Bác trong nỗi niềm thương nhớ dâng trào.

- Đặc biệt CX ấy được thể hiện rõ nhất qua hình ảnh;

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.

- Hình ảnh Bác được ví với mặt trời rực rỡ - một hình ảnh ẩn dụ giàu ý nghĩa biểu tượng, để khẳng định sự trường tồn, vĩnh cửu của Bác. Đó cũng là thể hiện lòng thành kính thiêng liêng, sự ngưỡng mộ đối với lãnh tụ kính yêu.
- Tâm trạng xúc động ấy của tác giả còn được biểu hiện bằng hình ảnh ẩn dụ sâu xa:

Vẫn biết trời xanh là mãi mãi

Mà sao nghe nhói ở trong tim.

Bác vẫn còn sống mãi như trời xanh. Người đã hóa thân vào TN, vũ trụ, hóa thân vào đất nước DT. Dù vẫn tin như thế nhưng không thể ko đau xót về sự ra đi của Người.

CÂU 8(Tr. 58): Cho câu thơ:

***Mọc** giữa dòng sông xanh*

Một bông hoa tím biếc

- Câu thơ trên tác giả sử dụng phép đảo ngữ => đưa từ **Mọc** lên đầu câu thơ. Với biện pháp NT này tác giả đã đem đến cho người đọc một cảm giác tươi mới: Bông hoa tím biếc (*Màu của xứ Huế mộng mơ*) như mọc lên từ dòng sông Hương xanh biếc thơ mộng, hiền hòa => một sức sống đang cựa mình trỗi dậy, tràn trề phơi phơi sức xuân.*
 - Chép 5 dòng thơ tiếp theo để hoàn thiện khổ thơ:*
- HS tư làm.
- c + d) *Viết ĐV từ 8 – 10 câu phân tích khổ 1 bài thơ “ **MXNN**” (Thanh Hải) trong đó có sử dụng phép nhân hóa (gạch chân)*

⇒ DV cần đạt được những ý cơ bản sau:

- Vẻ đẹp của bức tranh MX với màu sắc tươi sáng, với không gian thoáng đãng trong trẻo, diệu kì.
- Tâm hồn rộng mở, tinh tế thể hiện niềm say mê ngây ngất, niềm yêu đời tha thiết trước TN, trước cuộc đời của nhà thơ.

*) DV tham khảo:

-**MD**: Là một khổ thơ đặc sắc trong bài MXNN khắc họa được vẻ đẹp MX của TN, đất trời và cảm hứng của nhà thơ trước vẻ đẹp ấy.

-**TD**: Bức tranh MX được phác họa qua vài nét đơn sơ:

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Oi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

-DX: Dòng sông Hương hiền hòa xanh biếc, mọc lên một bông hoa tím soi mình trên mặt nước, tiếng chim chiền chiện hót lạnh lạnh vang trời...

- Bằng phép đảo ngữ, ĐT “Mọc” được đưa lên đầu câu thơ => đem đến cho người đọc một cảm giác tươi mới, một sức sống đang cựa mình trỗi dậy, tràn trề và phơi phới sức xuân.

- Cảnh vật ấy đã mở ra một không gian phóng khoáng bay bổng, diệu kì, một khung cảnh đắm thắm dịu dàng rất đặc trưng của xứ Huế.

*) *Cảm hứng của nhà thơ*:

- Trước cảnh đẹp ấy nhà thơ thể hiện niềm say mê yêu mến, trân trọng:

+ Lặng ngắm hoa nở.

+ Lắng nghe chim hót.

+ Hòa tâm hồn mình với cảnh đẹp TN.

- Ông đã mở rộng tâm hồn đón nhận bằng tất cả, tình cảm yêu mến thiết tha của mình:

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng.

+ Giọt tiếng chim là hình ảnh thơ độc đáo. Tiếng chim hót lạnh lạnh trong vắt như chuỗi ngọc long lanh.

+ Âm thanh vốn chỉ *nghe thấy* nay được cảm nhận thấy và *nhìn thấy* “Long lanh rơi” và *tiếp xúc được* (Đưa tay hứng) => *Sự chuyển đổi cảm giác* thể hiện sự nâng niu, trân trọng, biểu hiện niềm say sưa ngây ngất trước cảnh đẹp của đất trời lúc vào xuân.

CÂU 9 (Tr. 58):

Cho 2 khổ thơ bài “ Ánh trăng” (Nguyễn Duy):

a) Giải thích nghĩa của các từ “ Mặt” trong đoạn thơ:

- **Mặt 1:** Mặt người => nghĩa gốc.
- **Mặt 2:** Mặt trăng => nghĩa chuyển (hình ảnh nhân hóa)

b) Các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ:

- Đoạn thơ sử dụng phép nhân hóa và so sánh;
 - + “**Mặt**” : Chính là vầng trăng tròn được nhân hóa như người bạn tri âm, tri kỉ ngày nào.
 - + Phép so sánh, điệp ngữ: *Như là đồng là bể*

Như là sông là rừng.

⇒ Trăng là hiện diện của quá khứ đẹp để không thể phai mờ.

c) Viết ĐV diễn dịch khoảng 10 câu trình bày cảm nhận của em về trăng trong đoạn thơ.

*) **MD:** Đoạn thơ thể hiện rõ niềm suy tư của tác giả và tấm lòng của vầng trăng

*) **TD:** *Ngửa mặt lên nhìn mặt*

Có cái gì rưng rưng

Như là đồng là bể

Như là sông là rừng

- Trăng và con người đã gặp nhau trong một giây phút tình cờ:

+ Tư thế “ *Ngửa mặt lên nhìn mặt*” là tư thế đối mặt => *vầng trăng được nhân hóa* như người bạn tri kỉ ngày nào.

+ Cách viết thật lạ và sâu sắc: Ánh trăng đã thức dậy những kỉ niệm quá khứ tốt đẹp, đánh thức lại tình cảm bạn bè năm xưa, đánh thức lại những gì con người đã lãng quên.

+ *Rừng rừng* => Từ láy diễn tả nỗi xúc động ko nói nên lời bởi những ân tình xưa sống dậy thốn thức trong lòng.

+ *Phép so sánh + điệp ngữ (Như là...như là...)* => trăng là hiện diện của quá khứ đẹp để không thể phai mờ.

- Vầng trăng hiện ra cao thượng, vị tha biết nhường nào:

Trăng cứ trăn trăn vạnh

Kể chi người vô tình

Ánh trăng im phăng phắc

Đủ cho ta giật mình.

- Trăng tròn vành vạnh là hiện diện cho quá khứ đẹp để ko thể phai mờ.
- Ánh trăng chính là người bạn nghĩa tình mà nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ và cả chúng ta:

+ Con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng TN, nghĩa tình, quá khứ thì luôn tràn đầy, bất diệt.

+ “*Giật mình*” là sự thức tỉnh, chợt nhận ra sự vô tình bạc bẽo, sự nông nổi trong cách sống của mình thức dậy những ân hận nghĩ suy, hiểu ra đạo lí:

“ *Uống nước nhớ nguồn*” trân trọng những tình cảm thiêng liêng của những năm tháng gian khổ đã qua.

CÂU 10 (Tr. 58):

“ *Lặng lẽ Sa Pa*” là một truyện ngắn thành công của **Nguyễn Thành Long**. Em hãy:

a) *Giải thích nhan đề của TP:*

(Nhan đề tác phẩm thường thể hiện đề tài, nội dung hoặc tư tưởng chủ đề của tác phẩm)

Nhan đề “ **Lặng lẽ Sa Pa**” => Tr. ng của NTL đã thể hiện rõ tư tưởng chủ đề của tác phẩm:

+) Bề ngoài, *Sa Pa* có vẻ lặng lẽ êm đềm, thơ mộng (đó là xứ sở của sương mù, của những dinh thự cũ xưa mà người ta đến nghỉ ngơi, ở đó còn có những cảnh đẹp mê hồn: có những rừng thông đẹp lung linh kì ảo dưới ánh nắng mặt trời...)

+) Đằng sau vẻ đẹp lặng lẽ, nên thơ ấy, đã và đang có những con người đang thầm lặng cống hiến hết mình cho đất nước (anh thanh niên, ông kĩ sư nông nghiệp, cán bộ địa chất...)

- Như vậy nhan đề của tác phẩm vừa thể hiện được vẻ đẹp kì ảo của thiên nhiên Sa Pa, vừa thể hiện được sự cống hiến âm thầm lặng lẽ nhưng lớn lao cao đẹp của những con người nơi đây.

b). Lập dàn ý cho đề bài : phân tích nhân vật anh thanh niên

A . MB: + Giới thiệu tác giả tác phẩm

+ Giới thiệu nhân vật anh thanh niên

- NTL là 1 trong những cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí
- *Lặng lẽ Sa Pa*” là kết quả của chuyến đi Lào Cai mùa hè năm 1970 của tác giả được in trong tập “*Giữa trong xanh*” (1972)
- Truyện đã khắc họa thành công người lao động bình thường mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu đã ngày đêm làm việc lặng thầm cống hiến cho công cuộc xây dựng đất nước.

B. TB:

C. 1/ *Nêu tình huống truyện (cuộc gặp gỡ tình cờ...)*

2/pt đặc điểm nhân vật anh thanh niên

*) *Hoàn cảnh sống và làm việc*: - 1 mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m, quanh năm chỉ có cây cỏ và mây mù bao phủ

- Anh gặp vô vàn những khó khăn, trở ngại trong cuộc sống và sinh hoạt nhưng đối với anh trở ngại lớn nhất là sự cô độc.

Đặc điểm 1: Ý thức trách nhiệm và tình yêu đối với công việc

- Công việc của anh là : Đo gió, đo mưa... phục vụ sản xuất và chiến đấu.
- Công việc đòi hỏi tỉ mỉ, chính xác nhưng đơn điệu dễ nhàm chán nhưng anh luôn làm việc với 1 thái độ nghiêm túc và 1 tinh thần trách nhiệm cao.

(DC: Bất kể thời tiết thế nào (...) anh vẫn đúng giờ “ốp” và luôn hoàn thành nhiệm vụ)

+) Anh tâm sự “ *khổ nhất ...không thể nào ngủ lại được*”

=> nhưng anh luôn cố gắng, vì hơn ai hết anh hiểu công việc thầm lặng của mình là cần thiết và có ích cho mọi người, cho đất nước.

- Anh rất yêu công việc của mình, luôn lấy công việc làm nguồn vui.

- Anh suy nghĩ thật đẹp về công việc : “*Khi ta làm việc...*”

- Mới ra nghề có 4 năm, dù còn rất trẻ nhưng anh tỏ ra là người rất thạo việc, có năng lực trong CM và rất có kinh nghiệm.

DC: “*Ban đêm không nhìn máy...tính được gió*”

2. Đặc điểm 2: Anh là người yêu đời, thiết tha với cuộc sống.

- Tìm thấy niềm vui khi đọc sách (như có bạn để trò chuyện)
- Sống trong 1 hoàn cảnh đặc biệt nhưng anh chủ động sắp xếp cuộc sống 1 cách khoa học và ngăn nắp. **(DC)**

Đặc điểm 3: Anh là người cởi mở, chân thành và rất mực khiêm tốn.

- Khao khát được gặp gỡ và được trò chuyện với mọi người (DC)

- Khi tiếp xúc với mọi người: anh cởi mở, chân thành => dễ gần, dễ mến (DC)

- Được gặp anh, hiểu công việc anh làm => ông họa sĩ rất mừng và trân trọng anh => ông muốn vẽ anh, vẽ chân dung của 1 người lao động mới với lí tưởng cao đẹp nhưng anh vội vàng từ chối vì anh nghĩ:

+ Mọi đóng góp của anh chỉ là rất nhỏ bé

+ Điều quan trọng hơn, trong cái lặng lẽ của Sa Pa anh muốn làm việc và cống hiến 1 cách thầm lặng.

Chốt:

- Tất cả những nét đẹp đó tạo nên 1 gương mặt, 1 mẫu người đáng yêu, đáng trân trọng.

- Ở anh người ta tìm thấy 1 tính cách riêng, độc đáo vừa thấy nét chung của tuổi trẻ

Nét riêng: Sôi nổi, hồn nhiên, cởi mở, chân thành, ý thức trách nhiệm cao và niềm say mê với công việc.

Nét chung: (nét sống đẹp của tuổi trẻ): năng nổ, nhiệt tình, sống hết mình, cống hiến hết mực cho đất nước

⇒ Điều đó đã giúp anh vượt qua mọi khó khăn, thử thách

C - KB: Qua nhân vật anh thanh niên và các nhân vật khác trong truyện giúp người đọc thấy rõ : “*Trong cái lặng im của Sa Pa... cho đất nước*”

c) *Chọn 1 ý trong dàn ý trên, viết 1 đoạn văn diễn dịch khoảng 15 dòng*

- **MD:** Anh TN là người có ý thức trách nhiệm và TY đối với công việc;

- **TD:** + Công việc của anh là...

+ Công việc ấy đòi hỏi...

+ Anh hiểu công việc của mình là cần thiết...

+ Anh rất yêu công việc của mình...

+ Anh suy nghĩ thật đẹp về công việc...

+ Là người có năng lực CM và kinh nghiệm trong nghề nghiệp...

CÂU 11 (Tr 58): Cho ĐV: “ *Cố ông lão ghenhay chỉ lại...*”

a) ĐV trên sử dụng yếu tố độc thoại.

b) Truyện XD được hai tình huống đặc sắc:

*) **TH1:** Ở nơi tản cư ông Hai nghe tin làng Chợ Dầu làm Việt gian theo Tây => Là tình huống *thắt nút câu chuyện*: Thử thách lòng yêu làng, yêu nước của ông Hai.

***)TH2:** Ông Hai nghe tin làng được cải chính (*Mở nút câu chuyện*).

=> Khẳng định ông Hai và dân làng Chợ Dầu thủy chung với CM, với Cụ Hồ, với đất nước.

c) Giới thiệu ý nghĩa nhan đề:

=> Kim Lân đặt tên truyện ngắn là “**Làng**” mà không phải là “Làng chợ Dầu” vì:

- Làng chợ Dầu là 1 địa danh, chỉ 1 ngôi làng cụ thể.

- “**Làng**” là danh từ chung, chỉ mọi làng quê Việt Nam trên mọi miền đất nước (đều có tình cảm với cách mạng, với kháng chiến, với Cụ Hồ).

=> vì thế nhan đề “**Làng**” có ý nghĩa rộng lớn hơn, mang tính khái quát hơn.

d) viết đoạn văn dd dài khoảng 10 câu nêu cảm nhận về tâm trạng của ông Hai trong đoạn văn trên

Gợi ý:

- **MD:** Ở nơi tản cư, nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc mà ông Hai thấy sửng sò và choáng váng.
- **TD:** Tin ấy đến với ông thật đột ngột và bất ngờ (nó giống như 1 tiếng sét đánh bên tai) khiến ông choáng váng: “*Cố ông lão nghen ắng hẳn lại, da mặt tê dãn, ông lão lặng đi, tưởng như không thở được. Một lúc lâu ông mới dãn ề ề, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi.*”
- *Liệu có thể không hả bác? hay chỉ lại...*
- Đó quả là một cú sốc quá lớn đối với ông, cú sốc ấy làm ông vừa đau khổ vừa tuyệt vọng: Một loạt những DT, TT diễn tả một cách rất chân thực nỗi đau đớn sâu sắc ề chề, Có gì đó rất lớn lao mà ông hằng tôn thờ ngưỡng vọng như đồ ụp trong tâm hồn ông.
- Còn tia hi vọng, ông nghĩ họ (người làng ông) đều là những người tinh thần lắm cơ mà. Ông nửa tin, nửa ngờ hỏi lại, nhưng người đàn bà tản cư kể rành rọt quá khiến ông không thể không tin.
- Ông cố dẫu nỗi đau đớn, ề chề, đánh trống lảng bỏ về trong nỗi đau đớn, nhục nhã ề chề, tuyệt vọng...

CÂU 12(Tr. 59): Sửa lỗi chính tả và ngữ pháp:

(Bỏ từ: Trong, Qua, sửa lỗi chính tả “ chích” => trích).

a) Chép lại câu cho đúng:

“ Đoạn trích **chiếc lược ngà** không chỉ thể hiện tình cảm người cha dành cho con và còn cho ta thấy TY cha thăm thiết của đứa con thơ ngây.

b) Nếu câu văn trên là câu MĐ cho một ĐV thì đề tài của ĐV là: *TY cha thăm thiết của bé Thu.*

Câu trên mang tính chuyển đoạn – nêu đề tài).

MĐ: Đoạn trích chiếc lược ngà không chỉ thể hiện tình cảm người cha dành cho con và còn cho ta thấy TY cha thăm thiết của đứa con thơ ngây.

TĐ: - Những ngày xa ba (Trước khi ông Sáu về phép), bé Thu luôn giấu kín TY thương sâu sắc đối với ba mình – chính là người đàn ông chụp chung với má...

- Gặp ông Sáu, nó giật mình ngơ ngác, hoảng sợ khi người đàn ông xa lạ có vết sẹo trên mặt nhận là ba mình – nó đã thét lên và bỏ chạy.
- Những ngày nghỉ phép ngắn ngủi ở nhà, ông càng chiều thương, nó càng lảng tránh. Ông muốn gần con nhưng nó lại lạnh nhạt, dửng dưng, coi ông như người xa lạ.
- Ông khao khát nghe con gọi một tiếng Ba nhưng con bé bướng bỉnh kiên quyết không gọi.
- Khi biết sự thật, ông Sáu chính là ba nó, nó vô cùng hối hận, day dứt, trăn trở.
- Nhất là trước khi ba nó lên đường, tiếng ba nó gọi thảng thốt xé bầu không khí xúc động, xé cả ruột gan mọi người và hành động ôm chặt ba, hôn ba hồi hả, cuống quýt là biểu hiện TY thương ba tha thiết được dồn nén suốt 8 năm và đặc biệt là nỗi xót xa, ân hận đã làm ba nó đau lòng.
- => ĐV vừ viết là đoạn diễn dịch.

CÂU 13 (Tr. 59): Cho ĐV: “ Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó và đôi vai nhỏ bé của nó run run”. (“CLN” – NQS).

a) Hành động của bé Thu nhằm MĐ:

- Muốn níu giữ ba ở lại.
- Muốn sửa lỗi lầm
- Muốn khẳng định TY sâu sắc, mãnh liệt mà nó dành cho ba.

⇒ Bé có hành động quyết liệt như vậy không chỉ vì ân hận chuyện đã làm cho ba buồn khổ mà nó không muốn xa người ba mà nó vừa “*tìm lại*” được.

- Bé khóc, nước mắt của sự sung sướng, HP xen lẫn với sự ân hận, xót xa. Tình cảm của bé dành cho ba được dồn nén trong suốt 8 năm nay được thể hiện sâu sắc và cảm động nhưng cũng chính lúc ấy người cha phải lên đường trở lại chiến khu => khiến người đọc phải chứng kiến một cảnh đau lòng vì những éo le, mất mát trong chiến tranh.

b) *Ngôi kể*: Truyện kể ở ngôi thứ nhất – số ít – xưng “*tôi*”

- “**Tôi**”, chính là ông Ba – người bạn chiến đấu thân thiết của ông Sáu – cũng là người được chứng kiến từ đầu đến cuối toàn bộ câu chuyện.

*) *Tác dụng*:

- Làm cho câu chuyện trở nên khách quan, đáng tin cậy.
- Mạch kể diễn ra tự nhiên, gợi cảm giác chân thực, gần gũi.
- Người kể hoàn toàn chủ động, điều khiển nhịp kể và dẫn dắt ND câu chuyện theo dòng CX của mình. Khi cần, người kể có thể bày tỏ suy nghĩ và bình luận.

c) *Viết ĐV khoảng 10 câu, trong đó sử dụng một câu PĐ (gạch chân).*

MD: Trong truyện ta thấy bé Thu là một cô bé hồn nhiên, bướng bỉnh và có TY ba thật mạnh mẽ và sâu sắc.

TD: - Những ngày xa ba (Trước khi ông Sáu về phép), bé Thu luôn giấu kín TY thương sâu sắc đối với ba mình – chính là người đàn ông chụp chung với má...

- Gặp ông Sáu, nó giật mình ngỡ ngác, hoảng sợ khi người đàn ông xa lạ có vết sẹo trên mặt nhận là ba mình – nó đã hét lên và bỏ chạy.
- Những ngày nghỉ phép ngắn ngủi ở nhà, ông càng chiều thương, nó càng lảng tránh. Ông muốn gần con nhưng nó lại lạnh nhạt, dửng dưng, coi ông như người xa lạ.

Ông khao khát nghe con gọi một tiếng Ba nhưng con bé bướng bỉnh kiên quyết không gọi. Vì nó nghĩ ông Sáu không phải là cha nó.

- Khi biết sự thật, ông Sáu chính là ba nó, nó vô cùng hối hận, day dứt, trăn trở.
- Nhất là trước khi ba nó lên đường, tiếng ba nó gọi thảng thốt xé bầu không khí xúc động, xé cả ruột gan mọi người và hành động ôm chặt ba, hôn ba hồi hả, cuống quýt là biểu hiện TY thương ba tha thiết được dồn nén suốt 8 năm và đặc biệt là nỗi xót xa, ân hận đã làm ba nó đau lòng.

CÂU 14 (Tr. 59): Đọc đoạn trích “ Những ngôi sao xa xôi” (LMK)

a) Tìm hiểu nhân vật trong đoạn trích:

- Nhân vật “**tôi**” trong đoạn trích là NV Phương Định - NV chính.
- Trong đoạn trích, tg MT cô đang chuẩn bị làm nhiệm vụ phá bom => một công việc nặng nề và cực kì nguy hiểm.

b) Liệt kê những câu trần thuật ngắn => nêu hiệu quả:

+ Những câu trần thuật ngắn:

- Văng lạng đến phát sợ.
- Cây còn lại xơ xác.
- Đất nóng... tôi đến gần quả bom.
- Đầu này có vẽ hai vòng màu vàng.
- Tôi dung xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom
- Đất rắn, vỏ quả bom nóng
- Một dấu hiệu chẳng lành
- Hoặc là nóng từ bên trong quả bom...

⇒ NX: ĐV dùng rất nhiều câu trần thuật ngắn, giọng điệu căng thẳng

Tác dụng: Các câu ngắn khiến cho nhịp văn trở nên nhanh hơn, diễn tả không khí ngột ngạt, căng thẳng trên cao điểm sau mỗi trận bom và cảm giác hồi hộp của PĐ khi cô chuẩn bị phá bom.

c. Viết đoạn văn T – P – H (8 => 10 câu) phân tích nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật

Trong đoạn văn có sử dụng 1 câu ghép chính phụ

Nội dung khái quát (chủ đề)

MĐ: Đoạn trích đã miêu tả Phương Định đang chuẩn bị làm công việc phá bom – một công việc nặng nề và cực kì nguy hiểm.

TĐ: - Mặc dù đã rất quen công việc nguy hiểm này, thậm chí 1 ngày có thể phá tới 5 quả bom, nhưng mỗi lần phá bom lại là 1 lần thử thách lớn đối với cô.

- Từ khung cảnh của chiến trường ác liệt và không khí căng thẳng : “ *Thần kinh căng như chảo, tim đập bất chấp cả nhịp điệu*” đến cảm giác các anh cao xạ ở trên kia đang dõi theo từng động tác, cử chỉ của mình để rồi lòng dũng cảm của cô như được kích thích bởi lòng tự trọng và sự yên tâm.
- Khi ở bên cạnh quả bom, kề sát với cái chết im lìm và bất ngờ, từng cảm giác của con người cũng trở nên sắc nhọn hơn: “*Một tiếng động sắc đến gai người cửa vào da thịt tôi, tôi rùng mình*”.

⇒ Những cảm giác đó được miêu tả rất chân thực, chứng tỏ các cô gái thanh niên xung phong cũng là những con người “bằng xương bằng thịt”. Điều đáng nói là ngay cả khi căng thẳng đến dường ấy, nguy hiểm đến dường ấy, họ vẫn bình tĩnh làm tốt công việc của mình, vẫn sẵn sàng chấp nhận mọi thử thách và quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ.

KĐ: Họ là những gương mặt tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

- **Câu 15 (trang 60):** Truyện ngắn : “*Những ngôi sao xa xôi*” (LMK) đã khắc họa được tâm hồn trong sáng, tính cách dũng cảm, tinh thần lạc quan... của những nữ thanh niên xung phong Trường Sơn thời chống Mỹ.

a) Giải thích ý nghĩa nhan đề truyện ngắn: “*Những ngôi sao xa xôi*”

- Đó là 1 nhan đề hay và rất thơ mộng:

+) Tác phẩm viết về những cô gái thanh niên xung phong làm nhiệm vụ san lấp hố bom trên tuyến đường Trường Sơn đánh Mỹ => cuộc sống cuộc đời gian lao và nguy hiểm nhưng không làm họ tắt đi niềm tin yêu đời, yêu sự sống.

+) “ *Những ngôi sao xa xôi*” trên bầu trời đêm sâu thẳm là hình ảnh thực mà các cô gái thường ngắm nhìn mỗi khi có thời gian. Họ gửi vào đó những mộng mơ, những khao khát thời thiếu nữ.

+) Đó cũng là hình ảnh mà những người chiến sĩ Trường Sơn cảm nhận được khi nhìn vào đôi mắt của cô PD “*cô gái có cái nhìn sao mà xa xăm*”...

⇒ Nhan đề rất gợi ý đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn trong sáng bay bổng của những nữ thanh niên xung phong ngay cả khi họ cận kề với sự hi sinh mất mát đó thực sự là 1 nhan đề đầy tính nhân văn.

b) *Lập dàn ý so sánh 3 nhân vật (PD-Nho-Thao)*

- **MB:** “*Những ngôi sao xa xôi*” của LMK thể hiện thành công vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mỹ qua hình tượng những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.

-**TB:**(*Hoàn cảnh sống, chiến đấu*) Họ sống và chiến đấu trong 1 hoàn cảnh rất đặc biệt: ở trên 1 cao điểm thuộc vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, công việc của họ rất nguy hiểm và căng thẳng, luôn phải đối mặt với cái chết.

1/ Điểm chung: Họ là những cô gái còn rất trẻ và cùng có những phẩm chất chung tuyệt đẹp khi sống ở nơi chiến trường:

+) Họ có tinh thần trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ

+) Luôn dũng cảm, không sợ hi sinh, gian khổ khi làm nhiệm vụ

+) Luôn sống chan hòa bên nhau trong tình đồng chí, đồng đội

+) Là những cô gái nhiều mơ ước, hay mơ mộng, thích làm đẹp

2/ Điểm riêng: Mỗi cô có một cá tính riêng:

- **Nho** => “ người bạn như cây kem trắng” sống rất hồn nhiên, dễ thương, thích đùa, thích ăn kẹo chanh...

- **Chị Thao:**

+) cứng cỏi, vững vàng, cuộc đời dũng cảm nhưng rất sợ nhìn thấy máu chảy

- +) không biết hát nhưng rất chăm chép bài hát và thích nghe PĐ hát
- **Phương Định** (nhân vật chính - người kể chuyện): có vẻ ngoại hình xinh xắn với 2 bím tóc dày, cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn và có cái nhìn xa xăm
- +) Cô thích ngắm mình trong gương, hay quan tâm đến hình thức của mình, nhiều người để ý khen cô thấy vui và tự hào
- +) Hay hát, hát hay, thích hát dân ca quan họ
- +) Giàu mơ mộng, hay sống với những kỉ niệm thời thiếu nữ vô tư.

KB: - Họ là những người trẻ tuổi có lý tưởng sống cao đẹp, họ sẵn sàng hiến dâng tuổi thanh xuân của mình cho sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của dân tộc

- Hình ảnh của họ đã để lại trong lòng người đọc những ấn tượng tốt đẹp.

c) Chọn 1 ý viết thành đoạn văn dài khoảng 15 câu

- **MD:** PĐ – Nho – Chị Thao là 3 nữ thanh niên xung phong thuộc tổ trinh sát mặt đường tại 1 trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn đánh Mỹ
- Họ là những cô gái còn rất trẻ và ngoài những phẩm chất chung tuyệt đẹp, mỗi cô lại mang những cá tính riêng

TD: phần b2

Câu 16 (trang 60): Đọc câu chuyện “...” (Trích trong “ Hạt giống tâm hồn”)

a) *Nêu chủ đề của câu chuyện:*

- Sự cố gắng nỗ lực vươn lên để vượt qua mọi khó khăn thử thách và phẩm chất cần phải có trong cuộc sống.

Nếu chúng ta sống mà không có 1 trở ngại nào, chúng ta có thể bị làm hỏng cả về thể xác lẫn tinh thần. Chúng ta sẽ không bao giờ trưởng thành được.

b) *Viết bài văn ngắn về câu chuyện trên:*

A – MB: Câu chuyện thật hay và giàu ý nghĩa; ND câu chuyện cho ta thấy:

- Sự cố gắng nỗ lực vươn lên để vượt qua mọi khó khăn thử thách vì phẩm chất cần phải có trong cuộc sống.
- Điều ấy nó giúp ta trưởng thành, vững vàng và tiến đến thành công
- **B - TB:**

1/ Ý nghĩa của câu chuyện: (phân tích nội dung – ý nghĩa câu chuyện => ngắn gọn)

- Có lẽ thất bại sau lần vội vàng đó, cậu bé hiểu ra rằng:
 - +) Mọi việc cần phải có thời gian, không có đường tắt cho 1 quyết tâm trưởng thành thực sự.
 - +) Mọi cánh bướm rực rỡ sắc màu bao giờ cũng là kết quả của kiên tâm chờ đợi trong thử thách, đau đớn của 1 con tằm, con nhộng trần trụi, xấu xí.
 - +) Muốn trở thành con bướm xinh đẹp bay lượn trên muôn ngàn hoa khoe sắc, bướm phải trải qua thời gian làm con tằm lặng lẽ chờ đợi trong vỏ kén.
 - +) Con tằm nào chui trước ra do người khác giúp đỡ bằng cách cắt vỏ kén => thì chỉ biết bò luẩn quẩn chung quanh vỏ kén chẳng bao giờ biết bay và cuối cùng không thể tồn tại.
 - +) Thực tế con bướm đó sẽ phải bò suốt cuộc đời với cơ thể sưng phồng và đôi cánh co rút. Nó không bao giờ bay được.
- Cậu bé dù tốt bụng nhưng vội vàng đã không hiểu rằng, chính cái kén bó buộc làm cho con bướm phải cố gắng đấu tranh để thoát ra kia chính là điều kiện tự nhiên để chất lưu trong cơ thể nó chuyển vào cánh để nó có thể bay được khi ra ngoài vỏ kén.

2/ Bài học được rút ra qua câu chuyện:

- Câu chuyện trên nói về 1 quy luật tự nhiên nhưng cũng là nói về 1 quy luật xã hội:
 - +) Khó khăn thử thách là điều kiện để con người trưởng thành và vươn tới thành công.
 - +) Khi gặp những khó khăn, thử thách, trở ngại ta cần phải biết đổi mới và phải biết nỗ lực để vượt qua nó. Có như vậy ta mới trưởng thành và đạt được ước mơ mà mình mong muốn.

+) Nếu chúng ta sống mà không có trở ngại nào hoặc sống mà phải phụ thuộc và dựa dẫm vào người khác thì chúng ta không thể trưởng thành không bao giờ mạnh mẽ và đạt được điều mà mình mong ước.

+) Sự giúp đỡ là đáng quý nhưng giúp đỡ không đúng nơi đúng lúc sẽ làm phản tác dụng và gây hại cho người được giúp: Họ sẽ dựa dẫm, ỷ lại mà sống không có ý chí, thiếu niềm tin, không phát huy được những phẩm chất, năng lực, sức mạnh tiềm tàng mà ẩn chứa trong mỗi con người.

3/ Mở rộng vấn đề:

- Phê phán những ai thiếu nghị lực, thiếu niềm tin, sống không có ý chí vươn lên.
- Nêu gương những người giàu ý chí, niềm tin thì vững vàng và thành công trong cuộc sống.
- Giúp đỡ người khác là điều đáng quý nhưng giúp đỡ người khác nuôi dưỡng ý chí niềm tin cho họ, đừng làm cái giá đỡ để họ ỷ lại, dựa dẫm => phản tác dụng

C – KB: Câu chuyện nhỏ gọn nhưng ý nghĩa thật sâu sắc

- Con người cần phải có ý chí, có niềm tin và cần biết tự vươn lên bằng khả năng của chính mình.
- Sống không nên ỷ lại, dựa dẫm vào người khác
- Khi gặp khó khăn, trở ngại => biết đương đầu và cố gắng vượt qua nó => thành công.
- **Câu 17 (trang 61):** Đọc kĩ đoạn văn : “ Cây lược ngà ấy... anh mới nhắm mắt đi xuôi ” (“**Chiếc lược ngà**” – Nguyễn Quang Sáng)

a) Phân tích ngữ pháp của câu văn;

- “Cây lược ngà ấy/chưa chải được mái tóc của con/ **nhưng** nó/như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh”.

⇒ Là câu ghép, có quan hệ tương phản

Vế 1 liên kết với vế 2 bằng từ “**Nhưng**”.

- b)** Đoạn văn trên là lời kể của nhân vật Ông Ba - Người bạn chiến đấu thân thiết của ông Sáu – cũng là người chứng kiến sự việc từ đầu đến cuối.

c) Qua chuyện của ông Ba kể lại ta thấy được những *éo le, mất mát* trong chiến tranh đối với mọi gia đình VN là rất lớn (vợ hiểu lầm chồng, con không nhận cha, đồng chí nghi ngờ lẫn nhau...gia đình chia li,những hi sinh mất mát không thể tránh khỏi...)

⇒ *Lên án chiến tranh, khát vọng được sống trong hòa bình.*